

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành	: Chăn nuôi – Chương trình nâng cao
Tên tiếng Anh	: Animal Science (Advanced program in Animal Science)
Mã ngành	: 7620105NC
Bậc đào tạo	: Đại học
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Danh hiệu	: Kỹ sư
Khoa quản lý	: Khoa Chăn nuôi – Thú y

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

ĐỀ ÁN
ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo:	Chăn nuôi Nâng cao
Mã ngành:	7620105NC
Tên cơ sở đào tạo:	Trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt và tiếng Anh

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBGD:	Cán bộ giảng dạy
CBVC:	Cán bộ viên chức
CNNC:	Chăn nuôi Nâng cao
CNTY:	Chăn nuôi Thú y
CTĐT:	Chương trình đào tạo
CTTT:	Chương trình tiên tiến
ĐHNL TP. HCM:	Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh
GD&ĐT:	Bộ Giáo dục và đào tạo
GDP:	Tổng sản phẩm nội địa (Gross domestic product)
GS:	Giáo sư
GV:	Giảng viên
NCS:	Nghiên cứu sinh
PGS:	Phó giáo sư
QL & NCKH:	Quản lý và Nghiên cứu Khoa học
QTVT:	Quản trị Vật tư
SV:	Sinh viên
TCCB:	Tổ chức Cán bộ
ThS:	Thạc sĩ
TS:	Tiến sĩ

MỤC LỤC

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
Phần 1. Thông tin chung	1
1.1. Giới thiệu Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh.....	1
1.2. Giới thiệu Khoa Chăn nuôi Thú y.....	2
Phần 2. Thông tin về ngành đào tạo, sự cần thiết và mục tiêu đào tạo nâng cao3	
2.1. Thông tin về chương trình đào tạo nâng cao.....	3
2.2. Sự cần thiết, mục tiêu đào tạo nâng cao.....	3
2.2.1. Mục tiêu chung.....	5
2.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	5
2.2.3. Chuẩn đầu ra (PLO).....	6
Phần 3. Điều kiện và năng lực đào tạo Chương trình nâng cao của Khoa.....	9
3.1. Chương trình đào tạo.....	9
3.2. Giảng viên, trợ giảng, cán bộ quản lý, cố vấn học tập.....	13
3.3. Về kết quả nghiên cứu khoa học.....	25
3.4. Hợp tác quốc tế	56
3.4.1 Hội nghị, hội thảo khoa học ngành, chuyên ngành trong và ngoài nước.....	56
3.4.2 Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài đã và đang triển khai.....	59
3.4.3 Các hình thức hợp tác quốc tế khác.....	64
3.5. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo nâng cao.....	54
3.5.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị.....	64
3.5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo.....	65

3.6. Chương trình đào tạo nước ngoài và chứng nhận Chương trình đào tạo nước ngoài đã được kiểm định hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép thực hiện và cấp văn bằng.....	69
3.7. Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục hoặc xác nhận đã đăng ký và đang trong thời gian kiểm định.....	69
Phần 4. Các điều kiện khác.....	70
4.1. Tuyển sinh.....	70
4.2. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở chương trình đào tạo nâng cao....	70
4.3. Chính sách hỗ trợ, ưu tiên cho giảng viên và sinh viên Chương trình nâng cao	70
4.4. Dự toán chi phí	71
4.5. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở chương trình đào tạo nâng cao.....	75
4.6. Các minh chứng kèm theo đề án.....	75

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. So sánh chương trình đào tạo đại trà và chương trình nâng cao	10
Bảng 2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học	13
Bảng 3. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo	19
Bảng 4. Danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa và cố vấn học tập đối với chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở trình độ đại học	24
Bảng 5. Các đề tài nghiên cứu khoa học của Khoa, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến chương trình đào tạo nâng cao	26
Bảng 6. Các công trình khoa học công bố của giảng viên và nhà khoa học cơ hữu	34
Bảng 7. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành tron 5 năm gần nhất	56
Bảng 8. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài trong 5 năm gần nhất đã và đang triển hai	59
Bảng 9. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở trình độ đại học	34
Bảng 10. Thư viện	65
Bảng 11. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở	67

....., ngày tháng năm

Đề án đào tạo nâng cao trình độ đại học

(Kèm theo Quyết định số ...3509.../QĐ-ĐHNL-ĐT ngày ..20.. tháng ..8...năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐỀ ÁN

ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên chuyên ngành đào tạo: Chăn nuôi Nâng cao
Mã ngành: 7620105NC
Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt và tiếng Anh

Phần I. Thông tin chung

1.1. Giới thiệu Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh

Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh là một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, tọa lạc trên khu đất có diện tích 118 ha, thuộc Khu phố 6, phường Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh và phường Đông Hòa, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Tiền thân là Trường Quốc gia Nông Lâm Mục B'Laio (1955), Trường Cao đẳng Nông Lâm Súc Sài Gòn (1963), Học viện Quốc gia Nông nghiệp Sài Gòn (1972), Trường Đại học Nông nghiệp Thủ Đức (thuộc Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức, 1974), Trường Đại học Nông nghiệp IV (1975), Trường Đại học Nông Lâm Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh (1985) trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Lâm nghiệp (huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) và Trường Đại học Nông nghiệp IV (quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh), Trường Đại

Trường Đại học Nông nghiệp IV (quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh), Trường Đại học Nông Lâm (thành viên Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 1995), Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000 đến nay).

Trải qua 69 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh đã đạt nhiều thành tựu nổi bật. Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh thực hiện ba nhiệm vụ chính như sau: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học, nghiên cứu và hợp tác NCKH với các đơn vị trong và ngoài nước và chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ cùng với sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các cơ sở giáo dục đòi hỏi nhà trường phải có sự đổi mới, sáng tạo hơn nữa để phát triển toàn diện và hiệu quả nhằm thực hiện sứ mạng của một trường đại học định hướng nghiên cứu.

1.2. Giới thiệu Khoa Chăn nuôi Thú y

Khoa Chăn nuôi Thú y (CNTY) được thành lập ngày 19/11/1955, là một trong ba khoa đầu tiên được thành lập của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM. Hiện nay Khoa có 57 CBVC bao gồm: 50 giảng viên (05 giảng viên kiêm nhiệm tham gia công tác quản lý cấp trường) và 7 nhân viên văn phòng, nhân viên phòng thí nghiệm và phục vụ. Trong số 51 giảng viên có 02 Giáo sư, 09 PGS.TS (20%); 28 GV có trình độ tiến sĩ (56%) và 15 GV có trình độ thạc sĩ (30%) và 6 Nghiên cứu sinh (12%). 100% giảng viên có trình độ sau đại học, 70% tiến sĩ được đào tạo từ các trường đại học danh tiếng của nước ngoài như Mỹ, Canada, Anh, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Thụy Điển, Nga, Australia, Hàn Quốc, Nhật, Malaysia, Philippines, Thái Lan. Ngoài ra còn 6 giảng viên đang hoàn tất chương trình nghiên cứu sinh trong nước và nước ngoài. Khoa chăn nuôi thú y bao gồm 06 bộ môn, 01 bệnh viện thú y, 01 trại thực tập chăn nuôi, 01 trại nghiên cứu ứng dụng, 1 xưởng thực hành dược lý thú y, 1 xưởng sản xuất thức ăn chăn nuôi, 1 trung tâm nghiên cứu và 1 trung tâm nghiên cứu y sinh động vật.

Hiện nay Khoa CNTY đảm nhận đào tạo các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ cho nhiều chuyên ngành thuộc hai ngành chính là Chăn nuôi và Thú y. Mỗi năm, Khoa tuyển sinh khoảng 450 sinh viên đại học hệ chính quy tại trường, khoảng 60

viên của Khoa khoảng hơn 2.000 sinh viên trong 4 năm học (ngành Chăn nuôi) hoặc 5 năm (ngành Thú y). Ngoài ra từ năm 2010, Khoa CNTY được sự chấp thuận của Bộ Giáo dục và đào tạo thực hiện Chương trình tiên tiến (CTTT) ngành Thú y kết hợp cùng trường Thú y Queensland (Úc), chương trình được đào tạo bằng ngôn ngữ Tiếng Anh với 80% chương trình đào tạo tương tự của trường Thú y Queensland (Úc). Tính đến nay chương trình tiên tiến ngành Thú y rất thành công trong việc tuyển sinh (mỗi năm tuyển sinh từ 40-50 sv/năm) cũng như chất lượng đào tạo, trao đổi sinh viên quốc tế và chất lượng đầu ra của sinh viên CTTT ngành Thú y được thị trường lao động đánh giá rất cao.

Chương trình đào tạo Ngành Thú y đã đạt được chuẩn kiểm định của mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á (AUN-QA) vào năm 2018 và tái kiểm định thành công năm 2023. CTĐT ngành Chăn nuôi cũng đã kiểm định thành công theo bộ tiêu chuẩn của AUN-QA vào năm 2024.

Bậc sau đại học, mỗi năm Khoa tuyển sinh từ 60-70 học viên cao học và NCS cho 2 ngành Chăn nuôi và ngành Thú y.

Phần II. Thông tin về ngành đào tạo, sự cần thiết và mục tiêu đào tạo nâng cao

2.1. Thông tin về chương trình đào tạo nâng cao

- Tên chương trình đào tạo: Chương trình chăn nuôi nâng cao
- Ngành đào tạo: Chăn nuôi
- Mã ngành: 7620105NC

2.2. Sự cần thiết, mục tiêu đào tạo nâng cao

Trong thập kỷ vừa qua, mức tiêu thụ thịt, trứng, sữa đã tăng rất mạnh trên toàn thế giới, đặc biệt Việt Nam có tốc độ tăng rất nhanh, hơn hẳn các nước trong khu vực. Từ đó dẫn tới ngành chăn nuôi có cơ hội phát triển nhanh về qui mô cũng như kỹ năng nghề nghiệp. Qui mô chăn nuôi cũng tăng dần theo thời gian và theo trình độ của người chăn nuôi. Chăn nuôi chuyển dịch mạnh theo xu hướng giảm chăn nuôi nhỏ lẻ ở hộ gia đình, tăng mạnh các hộ chăn nuôi chuyên nghiệp và trang trại quy mô lớn. Đặc biệt là từ sau trận dịch tả heo châu phi bắt đầu vào tháng 2/2019 cho tới hiện nay thì khả năng khống chế bệnh của các hộ chăn nuôi heo nhỏ lẻ với kiến thức về chăn nuôi và an toàn sinh học hạn chế là cực kỳ khó khăn. Do đó, chăn nuôi heo tại các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ giảm rất nhiều. So với năm 2016, chăn nuôi

nuôi heo tại các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ giảm rất nhiều. So với năm 2016, chăn nuôi nông hộ chiếm 80-90%, thì hiện tại chỉ chiếm dưới 40%. Sản lượng sản xuất của các doanh nghiệp chăn nuôi lớn hiện chiếm 70-75% do năng suất cao hơn. Các doanh nghiệp chăn nuôi lớn trong nước và cả nước ngoài đang xây dựng từng bước hình thành hệ thống trang trại liên kết giữa các khâu và liên kết chuỗi khép kín từ đó tạo được sự cạnh tranh hơn về giá thành, chất lượng, an toàn thực phẩm và hạn chế ô nhiễm môi trường.

Cùng với sự phát triển nhanh, mạnh mẽ của các doanh nghiệp chăn nuôi lớn thì nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ chăn nuôi cao, có kỹ năng nghề nghiệp để quản lý, vận hành các trang trại qui mô lớn cũng tăng nhanh. Đặc biệt yêu cầu về tiếng anh đối với nguồn nhân lực này cũng tăng đột biến do nhu cầu tuyển dụng của các công ty có vốn nước ngoài và việc trao đổi kỹ thuật, đào tạo từ các chuyên gia nước ngoài cũng tăng rõ rệt. Hơn nữa, với xu thế phát triển và giao lưu toàn thế giới, rất nhiều công ty, nhiều chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam đầu tư và tổ chức rất nhiều hội thảo, những khóa huấn luyện, đào tạo chuyên môn. Do đó để có thể chủ động tiếp cận nhanh các nguồn tri thức tiên tiến trên thế giới thì việc có thể đọc và giao tiếp bằng tiếng anh cũng trở nên vô cùng quan trọng.

Thấy được tiềm năng phát triển của ngành chăn nuôi, nhà nước cũng tạo điều kiện và ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, định hướng cho sự phát triển này. Một số quyết định được phê duyệt gần đây như:

Quyết định số 1625/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đến 2030.

Quyết định số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030.

Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 3/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi đến năm 2030.

Những chính sách này nhằm thúc đẩy nhanh ngành chăn nuôi từ một ngành nông nghiệp thuần túy, sẽ phải kết hợp công nghiệp và các lĩnh vực công nghệ thông tin để đẩy nhanh hơn quá trình phát triển của ngành chăn nuôi. Để thực hiện được điều này thì đòi hỏi 1 nguồn nhân lực trẻ, tiên tiến, được đào tạo chuyên môn

cao, có ý thức và có khả năng tự học, tự trao đổi. Do đó yêu cầu phải có những chương trình đào tạo ví dụ như chương trình đào tạo ngành chăn nuôi nâng cao nhằm đào tạo nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động với vốn tiếng anh giỏi trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Trải qua hơn 65 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh đã đạt nhiều thành tựu nổi bật. Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh thực hiện ba nhiệm vụ chính như sau: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học, nghiên cứu và hợp tác NCKH với các đơn vị trong và ngoài nước và chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật phục vụ cộng đồng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ cùng với sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các cơ sở giáo dục, nhà trường đã chủ trương ban hành quy định về đào tạo nâng cao trình độ đại học để có thể phát triển toàn diện hơn, hiệu quả hơn nhằm thực hiện sứ mạng của một trường đại học định hướng nghiên cứu. Chương trình đào tạo nâng cao là chương trình đào tạo có các điều kiện đảm bảo chất lượng và chuẩn đầu ra cao hơn chương trình đào tạo đại trà tương ứng, đồng thời đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại Quy định này.

2.2.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Chăn nuôi.
- Đào tạo người học giỏi chuyên môn, thạo tay nghề, có tư duy sáng tạo và có đạo đức nghề nghiệp, phẩm chất chính trị; có khả năng sử dụng tiếng anh, áp dụng công nghệ, có năng lực tự học, tự lập ra các kế hoạch, cải tiến kỹ thuật, chuyển giao tri thức và tiến bộ KHKT, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế-xã hội của Việt Nam và khu vực.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

PO 1: Hình thành nền tảng vững chắc về kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành trong lĩnh vực chăn nuôi và phòng bệnh.

PO 2: Sử dụng thành thạo các kỹ năng tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề, các kỹ năng nghề nghiệp và tư duy sáng tạo trong lĩnh vực Chăn nuôi.

PO 3: Giao tiếp hiệu quả, biết tổ chức, quản lý và làm việc nhóm

PO 4: Vận dụng tốt các năng lực hình thành ý tưởng; lên kế hoạch và thực hiện các phương án nuôi dưỡng, sản xuất thức ăn, phòng chống dịch bệnh; các quy

trình an toàn sinh học trong chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm; tư vấn chăm sóc và phòng bệnh vật nuôi.

PO 5: Có khả năng nắm bắt các nhu cầu sản xuất và tiêu thụ, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường sống, đạo đức nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.

PO6: Có thể đọc, hiểu, viết và trao đổi được bằng tiếng anh về các chủ đề chuyên ngành liên quan chăn nuôi

2.2.3. Chuẩn đầu ra (PLO)

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo chương trình Chăn nuôi nâng cao sinh viên đạt được:

A. KIẾN THỨC (KNOWLEDGES)

Kiến thức chung (General knowledges):

1. PLO 1: Hiểu biết phương cách vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào lĩnh vực Chăn nuôi.

- a. Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên
- b. Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội

2. PLO 2: Biết cách thu thập thông tin và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển và sức khỏe vật nuôi

- a. Tổng hợp và vận dụng các kiến thức cơ bản về cấu trúc cơ thể
- b. Tổng hợp và vận dụng các kiến thức cơ bản về chức năng hệ thống cơ thể
- c. Tổng hợp và vận dụng các kiến thức cơ bản về trao đổi chất.
- d. Tổng hợp và vận dụng các kiến thức cơ bản về chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi.
- e. Tổng hợp và vận dụng các kiến thức cơ bản về phòng bệnh cho vật nuôi.
- f. Thiết lập nền tảng các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học.

Kiến thức nghề nghiệp (Professional knowledges):

3. PLO 3: Thiết lập và thực hiện các qui trình chăn nuôi thú nông nghiệp.

- a. Thiết lập và thực hiện các qui trình chăn nuôi thú nông nghiệp.
- b. Thiết lập và thực hiện các qui trình chăn nuôi an toàn sinh học.

4. PLO 4: Có kiến thức về di truyền giống và áp dụng trong chọn giống vật nuôi.

a. Thiết lập các kiến thức về di truyền số lượng, quần thể và di truyền phân tử.

b. Ứng dụng các kiến thức về di truyền số lượng, quần thể và phân tử trong chọn tạo giống vật nuôi.

5. PLO 5: Có kiến thức về dinh dưỡng động vật để ứng dụng trong việc chăm sóc nuôi dưỡng.

a. Thiết lập các kiến thức về dinh dưỡng động vật

b. Vận dụng các kiến thức về dinh dưỡng trong việc sử dụng thức ăn cho vật nuôi.

B. KỸ NĂNG (SKILLS)

Kỹ Năng Chung (Generic skills):

6. PLO 6: Sử dụng được Tiếng Anh trong chuyên môn

a. Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành tiếng Anh

7. PLO 7: Làm việc độc lập, làm việc nhóm và quản lý nhóm làm việc

a. Có khả năng làm việc độc lập

b. Có khả năng tổ chức, quản lý và làm việc nhóm

8. PLO 8: Tư duy giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống, tư duy phân tích

a. Vận dụng tư duy phân tích vấn đề

b. Vận dụng tư duy để hệ thống các kiến thức

c. Vận dụng tư duy giải quyết tình huống thực tiễn.

9. PLO 9: Giao tiếp hiệu quả qua nhiều hình thức khác nhau.

a. Giao tiếp hiệu quả với khách hàng, đối tác và đồng nghiệp.

b. Soạn thảo và trình bày văn bản.

c. Soạn thảo và trình bày thư điện tử.

d. Báo cáo thuyết trình.

Kỹ Năng Nghề Nghiệp (Professional skills):

10. PLO 10: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phòng thí nghiệm dinh dưỡng và di truyền, kỹ thuật sinh sản và đánh giá sản phẩm chăn nuôi.

a. Thực hiện đúng các thao tác thực hành trong phòng thí nghiệm về kỹ thuật chăn nuôi

b. Thực hiện đúng và thành thạo các kỹ thuật gieo tinh nhân tạo.

c. Thực hiện được các thao tác phân tích và đánh giá sản phẩm chăn nuôi

11. PLO 11: Thực hiện các quy trình chăn nuôi tại trại chăn nuôi

a. Nắm vững các kỹ thuật thao tác chăm sóc, cầm cột, di chuyển và nuôi dưỡng vật nuôi.

b. Vận dụng và kết hợp thành thạo các qui trình nuôi dưỡng, qui trình vệ sinh an toàn sinh học.

12. PLO 12: Thiết kế và thực hiện các thí nghiệm chuyên ngành

a. Thiết kế và thực hiện các thí nghiệm liên quan đến qui trình, kỹ thuật chăn nuôi.

b. Thiết kế và thực hiện các thí nghiệm liên quan đến công tác giống động vật.

13. PLO 13: Sử dụng máy vi tính với các phần mềm chuyên ngành.

a. Sử dụng máy vi tính với các phần mềm phân tích thống kê các dữ liệu chăn nuôi.

b. Sử dụng máy vi tính với các phần mềm quản lý trang trại và công tác giống.

C. THÁI ĐỘ (ATTITUDES)

Ý Thức (Awareness)

14. PLO 14: Sẵn sàng học tập suốt đời

a. Luôn cập nhật những thông tin KHKT Chăn nuôi - Thú y

b. Có ý thức nâng cao kiến thức chuyên môn

c. Luôn trau dồi những kiến thức phục vụ cho chuyên môn

Hành Vi (Attitudes)

15. PLO 15: Tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp

a. Tôn trọng sự thật

b. Nhận định vấn đề một cách khách quan

c. Thực hiện đúng luật

d. Tôn trọng các vấn đề đạo đức trong sử dụng thú thí nghiệm và học tập

16. PLO 16: Khả năng thích ứng với các môi trường làm việc trong ngành nghề

- a. Thích nghi với các điều kiện và môi trường làm việc của Kỹ sư Chăn nuôi
- b. Có khả năng thích ứng với công việc.

Phần III. Điều kiện và năng lực đào tạo Chương trình nâng cao của Khoa

Căn cứ các điều kiện ở Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Quy định về đào tạo nâng cao trình độ đại học để tự đánh giá năng lực về:

3.1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 5 của Quy định về đào tạo nâng cao trình độ đại học, được sự đồng ý và thống nhất của các giảng viên trong khoa trên cơ sở tích hợp chương trình đào tạo của các Trường đại học tiên tiến trên thế giới.

Sinh viên được học trong điều kiện học tập tốt nhất bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Sinh viên được tập trung học tiếng Anh nâng cao vào năm thứ nhất. Trong toàn bộ chương trình, khoảng 38% số học phần cơ sở ngành và chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh. Các giảng viên Khoa Chăn Nuôi Thú Y đã có rất nhiều công trình nghiên cứu khoa học và đã được trình bày tại hội thảo và tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước. Một số môn học sẽ thỉnh giảng giáo sư, chuyên gia hàng đầu trong ngành, các CEO, CFO tại các doanh nghiệp, giảng viên có trình độ cao tại các trường có uy tín. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng hướng dẫn của ASEAN University Network (AUN): khảo sát nhu cầu của sinh viên, của công ty tuyển dụng, so sánh chương trình đào tạo hiện có của Khoa và chương trình tương ứng của các đối tác đào tạo chiến lược của khoa.

Quy trình đào tạo được tổ chức theo học chế tín chỉ. Điều kiện tốt nghiệp tuân theo Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức tối thiểu là 158 TC với điểm trung bình tốt nghiệp $\geq 5,5$ theo thang điểm 10 hoặc $\geq 2,0$ theo thang điểm 4,0. Khuyến khích sinh viên ra Trường làm tiểu luận/ khóa luận tốt

nghiệp bằng Tiếng Anh. Ngoài số 158 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường.

Bảng 1. So sánh chương trình đào tạo đại trà và chương trình nâng cao

Chương trình đại trà	Chương trình nâng cao
Kiến thức	
Có hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu theo tiêu chuẩn quốc tế, được thiết kế phù hợp với các yêu cầu về lao động ở các tổ chức và công ty trong lĩnh vực Chăn nuôi trong nước	Có hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu theo tiêu chuẩn quốc tế, được thiết kế phù hợp với các yêu cầu về lao động ở các tổ chức và công ty trong lĩnh vực Chăn nuôi trong nước và nước ngoài
- Hiểu biết phương cách vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào lĩnh vực Chăn nuôi trong nước	- Hiểu biết phương cách vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội vào lĩnh vực Chăn nuôi trong nước và nước ngoài
- Biết cách thu thập thông tin và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển và sức khỏe vật nuôi trong nước	- Biết cách thu thập thông tin và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển và sức khỏe vật nuôi trong nước và nước ngoài
- Thiết lập và thực hiện các qui trình chăn nuôi thú nông nghiệp trong nước	- Thiết lập và thực hiện các qui trình chăn nuôi thú nông nghiệp trong nước và nước ngoài
- Có kiến thức về di truyền giống và áp dụng chọn giống vật nuôi trong nước	- Có kiến thức về di truyền giống và áp dụng chọn giống vật nuôi trong nước và nước ngoài
- Có kiến thức về dinh dưỡng động vật để ứng dụng trong việc chăm sóc nuôi dưỡng trong nước	- Có kiến thức về dinh dưỡng động vật để ứng dụng trong việc chăm sóc nuôi dưỡng trong nước và nước ngoài

	Có đủ kiến thức chuyên môn và trình độ tiếng Anh chuyên ngành để theo đuổi các hệ thống đào tạo bậc cao hơn ở các nước phát triển
Trình độ tiếng Anh tương đương cấp độ B1 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF)	Trình độ tiếng Anh tương đương cấp độ B2 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF)
Trình độ tin học văn phòng tương đương A. Có khả năng sử dụng Excel hoặc Access hoặc Minitab phục vụ cho chuyên ngành	Trình độ tin học văn phòng tương đương A. Có khả năng sử dụng Excel hoặc Access hoặc Minitab phục vụ cho chuyên ngành
Kỹ năng	
Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành tiếng Anh, giao tiếp bằng ngoại ngữ ở trình độ tương đương cấp độ B1 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF)	Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành tiếng Anh, giao tiếp bằng ngoại ngữ ở trình độ tương đương cấp độ B2 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF)
Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và quản lý nhóm làm việc	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và khả năng lãnh đạo
Tư duy giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống kiến thức và tư duy phân tích giải quyết các tình huống thực tiễn	Tư duy giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống kiến thức và tư duy phân tích giải quyết các tình huống thực tiễn. Phát triển tư duy phản biện và kỹ năng ra quyết định
Giao tiếp hiệu quả qua nhiều hình thức khác nhau	Giao tiếp hiệu quả qua nhiều hình thức khác nhau bằng tiếng Việt và tiếng Anh

Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phòng thí nghiệm dinh dưỡng và di truyền, kỹ thuật sinh sản và đánh giá sản phẩm chăn nuôi	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phòng thí nghiệm dinh dưỡng và di truyền, kỹ thuật sinh sản và đánh giá chất lượng sản phẩm chăn nuôi
Thực hiện được các quy trình chăn nuôi tại trại chăn nuôi	Thực hiện đúng các thao tác trong quy trình chăn nuôi tại trại chăn nuôi
Thiết kế và thực hiện các thí nghiệm chuyên ngành	Thiết kế và thực hiện đúng các thí nghiệm chuyên ngành
Sử dụng máy vi tính với các phần mềm chuyên ngành	Sử dụng máy vi tính với các phần mềm chuyên ngành áp dụng vào nghiên cứu và thực tiễn
Thái độ	
Sẵn sàng học tập suốt đời	Sẵn sàng học tập suốt đời, cập nhật những thông tin khoa học kỹ thuật chăn nuôi thú y trong và nước ngoài
Tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, đạo đức kinh doanh
Khả năng thích ứng với các môi trường làm việc trong ngành nghề	Thích ứng tốt với môi trường làm việc của ngành nghề cả trong và ngoài nước

3.2. Giảng viên, trợ giảng, cán bộ quản lý, cố vấn học tập

Bảng 2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học (bao gồm giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với Trường, giảng viên thỉnh giảng, giảng viên trợ giảng) tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở của Khoa

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu ⁽¹⁾ ; Quốc tịch	Chức danh khoa học ⁽²⁾ , năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ⁽³⁾	Loại hợp đồng ⁽⁴⁾ ; ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm	Số công trình đã công bố		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Bùi Thị Kim Phụng, 22/10/1980	07918000836 2, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2024	Chăn Nuôi	01/06/ 2007		HC479020 4069055	17 năm			
2	Chế Minh Tùng, 25/05/1976	Việt Nam	PGS	TS, Hoa Kỳ, 2010	Chăn Nuôi	1998		HC479029 9012853	26 năm			
3	Đặng Thị Ngọc Anh, 15/08/1993	01719300021 7, Việt Nam		ThS, Việt Nam,	Chăn Nuôi	01/06/ 2018		HC479791 6529800	6 năm			

	Thiệu, 01/04/1968	Việt Nam		Điền, 2008	Nuôi				9012855				
10	Nguyễn Văn Hiệp, 25/05/1976	05207600011 7, Việt Nam		ThS, Thủy Điền, 2007	Chăn Nuôi		2000		HC479020 3230739	22 năm			
11	Phạm Phúc Thịnh, 16/02/1996	08909601085 6, Việt Nam		ThS, Việt Nam	Chăn Nuôi		01/04/ 2022		89223716 33	2 năm			
12	Bùi Thị Trà Mi, 05/06/1983	07918300703 0, Việt Nam		TS, Nhật Bản, 2017	Chăn Nuôi		2007		HC479020 6100992	17 năm			
13	Cao Phước Uyên Trần, 27/01/1981	07918102278 2, Việt Nam		ThS, 2010, Việt Nam	Chăn Nuôi		01/06/ 2007		HC479020 6100993	17 năm			
14	Đoàn Trần Vĩnh Khánh, 11/04/1985	07908500266 7, Việt Nam		ThS, Nhật, 2016	Chăn Nuôi		01/08/ 2009		HC479790 8079168	15 năm			
15	Quách Tuyết Anh 26/01/1980	07918002901 0,		TS, Canada,	Y Sinh		/12/20 03		HC479020 4070007	19 năm			

23	Võ Tấn Đại, 04/05/1974	, Việt Nam	PGS,	TS, Hoa Kỳ,	Y Sinh	1998		HC479029 8066369	26 năm		
24	Đỗ Tiến Duy, 02/09/1981	, Việt Nam	PGS	TS, Hàn Quốc, 2015	Thú Y	2004		HC479020 5146357	18 năm		
25	Dương Tiểu Mai, 15/09/1985	, Việt Nam		ThS, Thái Lan- Pháp, 2018	Thú Y			HC479791 0108498	12 năm		
26	Hồ Thị Kim Hoa, 10/06/1966	08616600024 0, Việt Nam	PGS	TS, Hà Lan, 2008	Vĩ sinh vật		Thỉnh giảng	HC479029 6312401	30 năm		
27	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân, 01/12/1984	07918400973 8, Việt Nam		TS, Pháp, 2017	Lý Sinh	01/09/ 2011		79114329 59	12 năm		

Ghi chú: ⁽¹⁾ Chỉ ghi thông tin của CMND hoặc CCCD hoặc Hộ chiếu; ⁽²⁾ GS hoặc PGS; ⁽³⁾ Ghi tên ngành/chuyên ngành được đào tạo đúng như tên văn bằng; ⁽⁴⁾ Chọn tương ứng cột tuyển dụng hoặc Hợp đồng; nếu là hợp đồng cần ghi rõ loại hợp đồng: không thời hạn; hợp đồng lao động thời hạn trên 12 tháng; hợp đồng thỉnh giảng.

Đính kèm Lý lịch khoa học, bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, bản sao văn bằng của giảng viên cơ hữu đúng ngành hoặc có chuyên môn phù hợp với chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở.

Bảng 3. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở của Khoa

STT	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian (học kỳ, năm học)	Ngôn ngữ giảng dạy ^(*)	Số tín chỉ				Loại giảng viên ^(**)
					Bắt buộc		Tự chọn		
					Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bùi Thị Kim Phụng	- Chăn nuôi gia cầm	HK 1, Năm 3	T. Anh	4				Cơ hữu
		- Chăn nuôi đại cương	HK 1, Năm 2	T. Anh	2				
2	Chế Minh Tùng	- Nhập môn Chăn nuôi	HK 2, Năm 1	T. Việt	2				Cơ hữu
		- Chăn nuôi đại cương	HK 1, Năm 2	T. Anh	2				
		- Chăn nuôi gia cầm	HK 1, Năm 3	T. Anh	4				
		- Phương pháp nghiên cứu KH	HK 2, Năm 2	T. Anh	2				
		- Anh văn chuyên ngành	HK 2, Năm 2	T. Anh	3				
3	Đặng Thị Ngọc Anh	- Chăn nuôi đại cương	HK 1, Năm 2	T. Anh	2				Cơ hữu
		- Chăn nuôi heo	HK 1, Năm 3	T. Việt	4				
		- Thực tập trang trại 1	HK 1, Năm 3	T. Việt	3				
		- Thực tập trang trại 2	HK 2, Năm 3	T. Việt	3				

4	Nguyễn Thanh Hải	- Chăn nuôi thú nhai lại - Thiết kế chuồng trại - Anh văn chuyên ngành - Thực tập trang trại 1 - Thực tập trang trại 2	HK 1, Năm 4 HK 1, Năm 4 HK 2, Năm 2 HK 1, Năm 3 HK 2, Năm 3	T. Anh T. Việt T. Anh T. Việt T. Việt	4 3 3 3 3				Cơ hữu
5	Nguyễn Thị Kim Loan	- Chăn nuôi heo	HK 1, Năm 3	T. Việt	4				Cơ hữu
6	Nguyễn Thị Mỹ Nhân	- Nhập môn Chăn nuôi - Thực tập trang trại 1 - Thực tập trang trại 2 - Bảo quản chế biến súc sản	HK2, Năm 1 HK 1, Năm 3 HK 2, Năm 3 HK 1, Năm 4	T. Việt T. Việt T. Việt T. Việt	2 3 3 2				Cơ hữu
7	Ngô Hồng Phương	- Dinh dưỡng Động vật - Dinh dưỡng thú cưng	HK 1, Năm 3 HK 1, Năm 4	T. Anh T. Anh	3		2		Cơ hữu
8	Nguyễn Kim Ngân	- Tổ hợp khẩu phần - Quản lý chất lượng thức ăn - Sản xuất thức ăn	HK 1, Năm 4 HK 2, Năm 4 HK 2, Năm 4	T. Anh T. Việt T. Anh	2		2 4		Cơ hữu
9	Nguyễn Quang Thiệu	- Dinh dưỡng Động vật - Tổ hợp khẩu phần - Độc chất học thực phẩm - Sản xuất thức ăn	HK 1, Năm 3 HK 1, Năm 4 HK 1, Năm 4 HK 2, Năm 4	T. Anh T. Anh T. Anh T. Anh	3 2		2 4 2 2		Cơ hữu

		- Thực tế chăn nuôi - Quản lý chất lượng thức ăn	HK 2, Năm 3 HK 2, Năm 4	T. Việt T. Việt			2	
10	Nguyễn Văn Hiệp	- Đồng cỏ và cây thức ăn - Sản xuất thức ăn	HK 1, Năm 4 HK 2, Năm 4	T. Việt T. Anh			3 4	Cơ hữu
11	Phạm Phúc Thịnh	- Đồng cỏ và cây thức ăn - Thực tế chăn nuôi - Quản lý chất lượng thức ăn - Sản xuất thức ăn	HK 1, Năm 4 HK 2, Năm 3 HK 2, Năm 4 HK 2, Năm 4	T. Việt T. Việt T. Việt T. Anh			3 2 2 4	Cơ hữu
12	Bùi Thị Trà Mi	- Thống kê trong CNTY - Di truyền Đại cương - Giống động vật 1	HK 1, Năm 2 HK 2, Năm 1 HK 2, Năm 2	T. Việt T. Anh T. Anh	3 3 3			Cơ hữu
13	Cao Phước Uyên Trân	- Phương pháp bố trí thí nghiệm - Di truyền chuyên ngành - Giống động vật 2	HK 2, Năm 3 HK 1, Năm 3 HK 2, Năm 3	T. Việt T. Anh T. Anh	3 3 3			Cơ hữu
14	Đoàn Trần Vĩnh Khánh	- Giống động vật 1 - Phương pháp bố trí thí nghiệm - Truyền Tinh Truyền Phôi	HK 2, Năm 2 HK 2, Năm 3 HK 1, Năm 4	T. Anh T. Việt T. Việt	3 3 3			Cơ hữu

15	Quách Tuyết Anh	- Di truyền Đại cương - Giống động vật 1 - Di truyền chuyên ngành	HK 2, Năm 1 HK 2, Năm 2 HK 1, Năm 3	T. Anh T. Anh T. Anh	3 3 3				Cơ hữu
16	Đường Chi Mai	- Miễn dịch	HK 1, Năm 4	T. Việt		3			Cơ hữu
17	Dương Nguyễn Khang	- Sinh lý 1 - Sinh lý 2	HK1, Năm 2 HK 2, Năm 2	T. Anh T. Anh	3 3				Cơ hữu
18	Lê Thụy Bình Phương	- Sinh hóa đại cương - Sinh hóa biến dưỡng - Sinh lý 1 - Sinh lý 2	HK 1, Năm 2 HK 2, Năm 2 HK1, Năm 2 HK 2, Năm 2	T. Anh T. Anh T. Anh T. Anh	2 3 3 3				Cơ hữu
19	Nguyễn Kiên Cường	- Sinh lý 1 - Sinh lý 2 - Tập tính động vật	HK1, Năm 2 HK 2, Năm 2 HK 1, Năm 4	T. Anh T. Anh T. Anh	3 3 2				Cơ hữu
20	Nguyễn Văn Nhã	- Mô học	HK 1, Năm 2	T. Việt	2				Cơ hữu
21	Võ Thị Trà An	- Phương pháp nghiên cứu KH - Dược lý cơ bản	HK 2, Năm 2 HK 1, Năm 4	T. Anh T. Việt	2	4			Cơ hữu
22	Nguyễn Thị Thương	- Cơ Thể 1	HK 2, Năm 1	T. Anh	3				Cơ hữu
23	Võ Tấn Đại	- Sản khoa	HK 2, Năm 4	T. Việt		3			Cơ hữu

24	Đỗ Tiến Duy	- Bệnh truyền nhiễm đại cương	HK 1, Năm 3	T. Việt	2			Cơ hữu
25	Dương Tiểu Mai	- Ký sinh trùng 1	HK 2, Năm 4	T. Việt		2		Cơ hữu
26	Hồ Thị Kim Hoa	- Vi sinh học đại cương	HK 1, Năm 2	T. Anh	3			Thỉnh giảng
		- Vi sinh chẩn nuôi	HK 2, Năm 2	T. Anh	3		2	
		- Môi trường & SK vật nuôi	HK 1, Năm 3	T. Anh	2			
		- Sinh học phân tử	HK 1, Năm 4	T. Anh				
27	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân	- Vi sinh học đại cương	HK 1, Năm 2	T. Anh	3			Cơ hữu
		- Vi sinh chẩn nuôi	HK 2, Năm 2	T. Anh	3			
		- Sinh học phân tử	HK 1, Năm 4	T. Anh		2		

Ghi chú: Giảng viên thỉnh giảng (tính theo năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo. Mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm (thông tư 02/2022/TT-BGD&ĐT ngày 18/01/2022). * Ngôn ngữ được sử dụng trong giảng dạy (tiếng Việt hay ngôn ngữ nào); ** Giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, giảng viên trợ giảng, giảng viên hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp/đồ án

Bảng 4. Danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa và cố vấn học tập đối với chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở trình độ đại học

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/chuyên ngành	Cán bộ quản lý cấp Khoa	Cố vấn học tập	Ghi chú
1	Lê Quang Thông, 1976, Trưởng Khoa	PGS.TS, 2009	Thú Y	X		
2	Nguyễn Kiên Cường, 1981, Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ, 2017	Thú Y	X		
3	Nguyễn Quang Thiệu, 1968, Phó Trưởng Khoa	PGS.TS, 2008	Chăn Nuôi	X		
4	Ngô Hồng Phượng, 1979, Giảng viên	Tiến sĩ, 2009	Di truyền và chất lượng thịt		X	
5	Nguyễn Văn Hiệp, 1976, Giảng viên	Thạc sĩ, 2007	Chăn Nuôi		X	
6	Bùi Thị Kim Phụng, 1980, Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2024	Chăn Nuôi		X	
7	Nguyễn Thanh Hải, 1991, Giảng viên	Tiến sĩ, 2023	Chăn Nuôi		X	
8	Quách Tuyết Anh, 1980, Trưởng bộ môn	Tiến sĩ, 2015	Y sinh		X	
9	Bùi Thị Trà Mi, 1983, Giảng viên	Tiến sĩ, 2017	Chăn Nuôi		X	

3.3. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Bảng 5. Các đề tài nghiên cứu khoa học của Khoa, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến chương trình đào tạo nâng cao

ST T	Số quyết định, ngày phê duyet đề tài, mã số	Loại đề tài ⁽¹⁾	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu đề tài (theo Biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia ⁽²⁾	Ghi chú
1	CS- CB17- CNTY- 04	Cấp cơ sở	Ảnh hưởng của sodium bicarbonate và kẽm hữu cơ trong thức ăn lên nồng độ acid dạ cỏ, bệnh chân móng và năng xuất sữa của bò	Nguyễn Thanh Hải	173/QĐ- ĐHNL- NCKH ngày 25/01/2019	2017- 2019	25/02/2019	Tốt	Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Đặng Thị Ngọc Anh, Dương Nguyên Khang, Chế Minh Tùng	
2	CS- CB18- CNTY- 01	Cấp cơ sở	Ảnh hưởng của thức ăn khởi đầu lên khả năng sinh trưởng và đáp ứng miễn dịch của gà thịt lông màu	Nguyễn Thị Mỹ Nhân	606/QĐ- ĐHNL- NCKH ngày 20/02/2020	2018- 2020	31/03/2020	Tốt	Chế Minh Tùng, Nguyễn Thanh Hải	

3		Cấp cơ sở	Ảnh hưởng của thời điểm cho ăn sau khi nở và thức ăn khởi đầu đến sinh trưởng, sự phát triển đường ruột và vi sinh vật trong ruột của gà thịt thương phẩm lông màu	Bùi Thị Kim Phụng	1528/QĐ-ĐHNL-NCKH ngày 09/05/2023	2019-2020	30/05/2023	Tốt	Chế Minh Tùng, Cao Phước Uyên Trân	
4	CS-CB21-CNTY-04	Cấp cơ sở	Sự kết hợp thảo mộc và tinh dầu cải thiện khả năng sinh trưởng và chất lượng thịt heo giai đoạn 30 - 154 ngày tuổi	Đặng Thị Ngọc Anh	795/QĐ-ĐHNL-NCKH ngày 28/03/2022	2021-2022	02/2020	Tốt	Nguyễn Văn Chánh, Đỗ Tấn Dương, Nguyễn Khang	
5	CS-CB21-CNTY-06	Cấp cơ sở	Đánh giá hiện trạng phúc lợi động vật trong sản xuất chăn nuôi heo ở một số trang trại tỉnh Đồng Nai	Đặng Thị Ngọc Anh	697/QĐ-ĐHNL-NCKH 06/05/2024	2023-2024	05/2024	Tốt	Đỗ Tấn Dương, Bùi Thị Trà Mi, Nguyễn Kiên Cường	

6	CS- CB21- CNTY- 08	Cấp cơ sở	Định lượng β -glucan trong hèm bia, hèm rượu và đánh giá ảnh hưởng của chúng lên sự sinh khí methane trong in vitro dạ cỏ	Lê Thụy Bình Phương		06/202 1- 08/202 3	08/2023	Tốt	Đặng Thị Xuân Thiệp, Lâm Ánh Tuyết	
7	CS- SV19- CNTY- 05	Cấp cơ sở	Ảnh hưởng của khẩu phần thức ăn tinh tận dụng nguồn phụ phẩm nông nghiệp địa phương lên tăng trọng của bò lai BBB (Blanc, Bleu, Belge) và bò lai Charolais	Nguyễn Văn Lanh	584/QĐ- ĐHNL- NCKH ngày 18/03/2020	2020 - 2021		Khá	Ngô Phượng, Nguyễn Thanh Hải	
8	CS- SV20- CNTY- 04	Cấp cơ sở	Ảnh hưởng của sự gia nhiệt vào khẩu phần ăn cải tiến lên khả năng phát thải khí Methane (CH ₄) trong chăn nuôi	Đinh Đức Tân	2650/QĐ- ĐHNL- NCKH ngày 29/07/2022	2021 - 2022	30/07/2022	Khá	Nguyễn Thị Mỹ Nhân	

	07/11/2018	TPH CM	hình chăn nuôi dê sữa khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	Phuong							
12	311/QĐ-SKHCN ký ngày 10/05/2017	Sở KHCN N-TPH CM	Điều tra hiện trạng và xây dựng qui trình phòng trị tổng hợp bệnh chân móng trên bò sữa TP. Hồ Chí Minh	Dương Nguyễn Khang		2017-2019		Tốt	Nguyễn Văn Chánh; Nguyễn Kiên Cường		
13	CS-CB23-CNTY-01	Cấp cơ sở	Phòng chống bệnh dại ở cấp độ tỉnh - góc nhìn kinh tế xã hội	Trương Đình Bảo		2023-2025	Đang hiện thực		Dương Mai, Nguyễn Thị Phương Trang, Nguyễn Thị Thùy Dung		
14	CS-CB23-CNTY-07	Cấp cơ sở	Ảnh hưởng của nhiệt độ nước uống và vitamin C đến năng suất sinh trưởng của gà thương phẩm Ross 308	Chế Minh Tùng		03/2023 - 02/2025	Đang hiện thực		Nguyễn Thị Mỹ Nhân		

18	CS-CB24-CNTY-03	Cấp cơ sở	sữa	Khảo sát ảnh hưởng của thời điểm cho ăn sau khi về trại và giới tính đến tỷ lệ nội quan và năng suất của gà thịt thương phẩm	Bùi Thị Kim Phụng		2024-2025	Đang hiện thực		Chế Minh Tùng, Cao Phước Uyên Trần	
19	No.3	Quỹ nghiên cứu từ ĐH Okay ama		Effects of thawing methods and capacitation inducers or calcium ionophore treatment time periods on PLCZ1 immunopatterns of frozen bull spermatozoa	Nguyễn Thanh Hải		2021-2022	23/01/2023	Tốt		

20	78/QĐ-SKHCN ký ngày 26/4/2024	Sở KHCN-TPHCM	Nghiên cứu ứng dụng dòng vi khuẩn Bacillus sp. và Pediococcus sp. vào xử lý phân gà kiểu bồn đứng thành phân hữu cơ vi sinh bằng công nghệ sấy ngược dòng và phát triển công nghệ vào xử lý một số loại chất thải rắn chăn nuôi khác tại tỉnh Long An	Nguyễn Thị Thương		2024-2025	Đang hiện	thực	Dương Nguyên Khang; Lê Thủy Bình Phương	
21		Sở KHCN Tiền Giang	Nghiên cứu các giải pháp công nghệ để nâng cao chất lượng đàn bò thịt tỉnh Tiền Giang theo yêu cầu thị trường tiêu dùng	Dương Nguyên Khang (cùng tham gia)		2021-2023				
22		Sở	Nghiên cứu ứng dụng	Dương		2024-	Đang	thực		

	KHC	dòng vi khuẩn Bacillus sp. và Pediococcus sp. vào xử lý phân gà kiểu bồn đứng thành phân hữu cơ vi sinh bằng công nghệ sấy ngược dòng và phát triển công nghệ vào xử lý một số loại chất thải rắn chăn nuôi khác tại tỉnh Long An	Nguyễn Khang (cùng tham gia)		2026	hiện		
--	-----	---	------------------------------	--	------	------	--	--

(¹) Cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, cơ sở; (²) Chỉ ghi những thành viên được phân công phụ trách các học phần trong chương trình đào tạo nâng cao;

Bảng 6. Các công trình khoa học công bố của giảng viên và nhà khoa học cơ hữu

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Dinh Bao Truong, Flavie Luce Goutard, Stéphane Bertagnoli, Alexis Delabougli, Vladimir Grosbois, Marisa Peyre., (2018), 'Benefit–Cost Analysis of Foot-and-Mouth Disease Vaccination at the Farm-Level in South Vietnam.', <i>Front. Vet. Sci.</i> , 26. Doi:10.3389/fvets.2018.00026.	
2	Tran T. Q. Lan; Marie-Lou Gaucher; Nguyen T. M. Nhan; Ann Letellier; Sylvain Quessy (2018), 'Distribution of Virulence Genes among Salmonella Serotypes Isolated from Pigs in Southern Vietnam', <i>Journal of Food Protection</i> , Vol. 81, No. 9, p. 1459–1466, 2018	
3	Pham Trong Vu, Nguyen Tri Tue, Tran Thi Thuy Nga, Tran Vu, Le Ba Thi Hien, Tran Thanh Tien and Vo Thi Tra An (2018), 'MIC determination of some plant extracts against Escherichia coli, Salmonella Typhimurium and Staphylococcus aureus', <i>Journal of Agriculture and Development</i> , 4:82-87	
4	Buckley A, Montiel N, Guo B, Kulshreshtha V, van Geelen A, Hoang H, Rademacher C, Yoon KJ, Lager K (2018), 'Dexamethasone treatment did not exacerbate Seneca Valley virus infection in nursery-age pigs', <i>BMC Vet Res</i> , 20;14(1):352	
5	Nguyen T. T. Dung, Bao D. Truong, Nguyen V. Cuong, Nguyen T. B. Van, Doan H. Phu, Bach T. Kiet, Chalalai Rueanghiran, Vo B. Hien, Guy Thwaites, Jonathan Rushton and Juan Carrique-Mas. (2020), 'A survey of retail prices of antimicrobial products used in small-scale chicken farms in the Mekong Delta of Vietnam', <i>Globalization and Health</i> 16:8; https://doi.org/10.1186/s12992-019-0539-x	
6	Nguyen Van Cuong, Bach Tuan Kiet, Vo Be Hien, Bao Dinh Truong, Doan Hoang Phu, Guy Thwaites, Marc Choisy, Juan Carrique-Mas (2021), 'Antimicrobial use through consumption of medicated feeds in	

	chicken flocks in the Mekong Delta of Vietnam: A three-year study before a ban on antimicrobial growth promoters.', <i>PLoS One</i> ;16(4): e0250082. doi: 10.1371/journal.pone.0250082. eCollection 2021	
7	Phu Doan Hoang, Cuong Nguyen Van, Truong Dinh Bao, Kiet Bach Tuan, Hien Vo Be, Thu Ho Thi Viet, Yen Lam Kim, Minh Nguyen Thi Tuyet, Padungtod Pawin, Setyawan Erry, Thwaites Guy, Rushton Jonathan, Carrique-Mas Juan (2021), 'Reducing Antimicrobial Usage in Small-Scale Chicken Farms in Vietnam: A 3-Year Intervention Study', <i>Frontiers in Veterinary Science</i> , 7:612993, DOI=10.3389/fvets.2020.612993	
8	Dinh Bao Truong, Nguyen Van Cuong, Phu Hoang Doan, Nguyen Thi Thuy Dung, Bach Tuan Kiet, Jonathan Rushton, Juan Carrique-Mas. (2021), 'Small-scale commercial chicken production: A risky business for farmers in the Mekong Delta of Vietnam.', <i>Preventive Veterinary Medicine</i> , volume 195, 2021. https://doi.org/10.1016/j.prevetmed.2021.105470	
9	Ha Le Thi Thu, Chalalai Rueanghiran, Giang Nguyen Thi Huong, Thuy Doan Phuong, Doan Hoang Phu, Bach Tuan Kiet, Vo Be Hien, Le Thi Hue, Pawin Padungtod, Bao Dinh Truong, Juan J Carrique-Mas (2021), 'Surveillance antimicrobial sales intended for livestock at veterinary drug shops in Vietnam', <i>Front. Sustain. Food Syst.</i> 5:784500. DOI: 10.3389/fsufs.2021.784500	
10	Nguyen Thi Thu Hong, Nguyen Thi Ngoc Trang, Duong Nguyen Khang and T R Preston (2018), 'Supplementing water spinach (<i>Ipomoea aquatica</i>) with foliage of <i>Mimosa pigra</i> or <i>Leucaena leucocephala</i> and coconut oil; effects on N retention and enteric methane emissions in growing goats', <i>Livestock Research for Rural Development</i> , 30, 12.	
11	Ly, H. M., Nguyen, T. T. K., Dang, T. T. X., Vo, A. T. T. (2019), 'Application of PCR technique in diagnosis of four respiratory pathogenic bacteria in pigs at the slaughterhouse', <i>The Journal of</i>	

	<i>Agriculture and Development</i> 18(3), 35-40, 2019	
12	Đặng Thị Xuân Thiệp, Bùi Nguyễn Hoàng Trang, Lê Thanh Tùng, Võ Thị Trà An (2019), 'Phân lập, định danh vi khuẩn gây bệnh hô hấp trên heo – Isolation and identification of some respiratory pathogens from swine', <i>Tạp chí khoa học Kỹ Thuật Thú y</i> . Tập XXVI, số 6-2019. Trang 49-55.	
13	Huỳnh Cẩm Châu, Thái Quốc Hiếu, Hồ Huỳnh Mai, Lê Thanh Hiền. (2020), 'Đánh giá tình trạng vệ sinh thịt heo từ cơ sở giết mổ đến phân phối và bày bán trên địa bàn tỉnh Tiền Giang', <i>KHOA HỌC KỸ THUẬT THÚ Y TẬP XXVII SỐ 3 – 2020</i>	
14	Đỗ Tiến Duy (2020), 'Phân lập và xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của một số loại kháng sinh đối với <i>Balantidium coli</i> ', <i>Tạp chí KHKT Thú y</i> , Việt Nam. No. 2/2020	
15	Hồ Thi Kim Hoa (2019), 'Thực trạng về quản lý chất thải và sử dụng kháng sinh tại cơ sở chăn nuôi vừa và nhỏ ở Đồng bằng Sông Cửu Long', <i>Tạp chí KHKT Chăn Nuôi</i> 242: 83-88, 2019	
16	Ho Thi Kim Hoa (2018), 'Chất lượng nước thải và nước giếng ở một số cơ sở chăn nuôi heo quy mô nhỏ và vừa tại một tỉnh thuộc Đồng bằng Sông Cửu Long', <i>Tạp chí KHKT Chăn Nuôi</i> 239: 65-72, 2018	
17	Đường Chi Mai (2018), 'Xác định các <i>Streptococcus suis</i> serotype và các yếu tố nguy cơ trên đàn heo tại Tiền Giang', <i>Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú Y</i> , 1:47-54	
18	Thuong Thi Nguyen, Miyake Ayumi, Tanabe Yuji, Tsuruta Takeshi, and Nishino Naoki (2018), 'An investigation of fecal, uterus and milk microbiota of dairy cows after calving', <i>Japanese Society of Animal Science</i> , proceeding ISSN 1342-4688, 2018	
19	Duong Chi Mai (2019), 'Đáp ứng kháng thể đối với vaccine tại chỗ phòng bệnh liên cầu khuẩn trên heo cai sữa tại Tiền Giang', <i>Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú Y</i> , 2:61-66	
20	Seddon JM, Vo ATT, Kempster SR, Lee HJ, Nguyen TT, Munce K, del	

	Bianco A, Chakitdee V, Le TQ, Shapter F (2020), 'Simulated clinical skills for veterinary students supplement limited animal and clinical resources in developing countries', <i>Journal of Veterinary Medical Education</i> , 47(s1):92-98. doi: 10.3138/jvme-2019-0112.	
21	Seddon JM, Cobbold, RN, Duong MC, Keates H, Hill J, Ho HTK, Mills PC, Herndon A, Le Thanh H, Schull D, Parke C, Nguyen TT, Kopp S, Wright JD, Le QT, Vo ATT (2020), 'Sharing ideas and practice: Institutional partnership influences change in approaches to teaching to enhance Veterinary Education in Vietnam in conjunction with an OIE Veterinary Education Twinning Project', <i>Journal of Veterinary Medical Education</i> , 47(s1): 83-91. https://doi.org/10.3138/jvme-2019-0111	
22	Dinh Bao Truong, Hoang Phu Doan, Vinh Khanh Doan Tran, Van Cuong Nguyen, Tuan Kiet Bach, Chalalai Rueanghiran, Aurélie Binot, Flavie L. Goutard, Guy Thwaites, Juan Carrique-Mas and Jonathan Rushton (2019), 'Assessment of Drivers of Antimicrobial Usage in Poultry Farms in the Mekong Delta of Vietnam: A Combined Participatory Epidemiology and Q-Sorting Approach', <i>Front. Vet. Sci.</i> 6:84. doi: 10.3389/fvets.2019.00084	
23	Juan Carrique-Mas, Nguyen Van Cuong, Truong Dinh Bao, Doan Hoang Phu, Tran My Phuc, Hugo Turner, Guy Thwaites, Stephen Baker (2019), 'The affordability of antimicrobials for animals and humans at retail in Vietnam: A call for revising pricing policies.', <i>International Journal of Antimicrobial Agents</i> , 54(2): 269–270. doi: 10.1016/j.ijantimicag.2019.05.009	
24	Cuong NV, Phu DH, Van NTB, Truong BD, Kiet BT, Hien BV, Thu HTV, Choisy M, Padungtod P, Thwaites G and Carrique-Mas J (2019), 'High-Resolution Monitoring of Antimicrobial Consumption in Vietnamese Small-Scale Chicken Farms Highlights Discrepancies Between Study Metrics', <i>Front. Vet. Sci.</i> 6:174. doi: 10.3389/fvets.2019.00174	
25	Huỳnh Minh Trí, Nguyễn Ngọc Hải (2018), 'Khảo sát kháng thể kháng porcine epidemic diarrhea virus (PEDV) trên heo nái và xác định các	

	yếu tố nguy cơ liên quan đến bệnh PED tại tỉnh Bến tre', <i>Khoa học và phát triển nông thôn</i> kỳ 2, tháng 5/2018	
26	Lê Thị Thu Phương, Nguyễn Ngọc Hải, Nguyễn Thị Thu Hồng, Quách Vô Ngôn, Nguyễn Ngọc Hồng Phúc, Trần Xuân Hạnh, Nguyễn Văn Dung (2018), 'Phân tích đặc điểm di truyền ORF2 của porcine circovirus type 2 (PCV2) thu thập ở một số tỉnh thành Việt Nam giai đoạn từ 2007 đến 2016', <i>Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y</i> , trang 23-31	
27	V.T. Nguyen, T.T.H. Vu, V.T. Hoang, T.V. Nguyen, T.D. Lam, K.C. Nguyen, V.T. Than and V.P. Le (2020), 'Immunological properties of the chicken egg yolk (IgY) antibodies against Vietnamese cobra Naja Naja venom', <i>IOP Conference Series: Materials Science and Engineering</i> , 2020, 991: 012012	
28	Nguyễn Kiên Cường (2020), 'A review of dairy smallholder in Ho Chi Minh City: difficulties and solutions for sustainable development', <i>The 3rd International Conference on Sustainable Agriculture and Environment</i> , HCM city, Vietnam, 2020, 306 – 313	
29	Phạm Tường Linh, Thái Quốc Hiếu, Nguyễn Kiên Cường và Nguyễn Văn Phát (2020), 'Khảo sát bệnh viêm tử cung trên bò cái sinh sản hướng thịt và thử nghiệm biện pháp điều trị trại tỉnh Tiền Giang', <i>Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y</i> , Số 2: 54 – 62	
30	Nguyễn Kiên Cường (2020), 'A review of dairy smallholder in Ho Chi Minh City: difficulties and solutions for sustainable development', <i>The 3rd International Conference on Sustainable Agriculture and Environment</i> , HCM city, Vietnam, 2020, 306 – 313	
31	Hà Hữu Hiền, Nguyễn Kiên Cường và Đường Chi Mai (2019), 'Tình hình nhiễm cầu trùng và hiệu quả của toltrazuril trong phòng trị trên bê tại Hóc Môn, Củ Chi (TP. HCM và Đức Hòa (Long An)', <i>Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Chăn nuôi Thú y Toàn quốc</i> , 2019, 456-460	
32	Nguyễn Kiên Cường, Nguyễn Vạn Tín và Hồ Thị Nga (2019), 'Ảnh hưởng của cách rã đông lên chất lượng tinh bò sữa', <i>Kỷ yếu Hội nghị</i>	

	<i>Khoa học Chăn nuôi Thú y Toàn quốc 2019</i> , 461-464.	
33	Dương Nguyên Khang, Đặng Hoàng Đạo, Nguyễn Thanh Hải và Nguyễn Văn Chánh (2019), 'Điều tra hiện trạng bệnh chân móng và ảnh hưởng của nó lên năng suất và chất lượng sữa của bò tại Thành phố Hồ Chí Minh', <i>Kỷ yếu Hội nghị Khoa Học Công Nghệ 2019</i> , Trường ĐH Công Nghệ TP HCM, Việt Nam, ISBN:978-604-67-1299-2, [1510]: 1098-1107	
34	Nguyễn Thanh Hải và Đỗ Hòa Bình (2019), 'Khả năng sinh trưởng của bê lai F1 BBBxDroughtmaster, Droughtmaster thuần, F1 AngusxBrahman và Brahman thuần giai đoạn sơ sinh đến 4 tháng tuổi', <i>Kỷ yếu Hội Nghị Khoa Học Chăn Nuôi Thú Y Toàn Quốc 2019</i> , Trường ĐH Nông Lâm TP HCM, Việt Nam, ISBN:978-604-60-2664-8, [579]: 465-469.	
35	Ly, H. M., Nguyen, T. T. K., Dang, T. T. X., Vo, A. T. T (2019), 'Application of PCR technique in diagnosis of four respiratory pathogenic bacteria in pigs at the slaughterhouse.', <i>The Journal of Agriculture and Development</i> 18(3), 35-40	
36	Tran Thi Quynh Lan, Vu Manh Khiem và Nguyen Van Tin (2021), 'Antibacterial and Antioxidant Activity of Rhodomyrtus Tomentosa and Cinnamomum Zeylanicum Crude Extracts', <i>Veterinary Science Research</i> , Vol. 03, Issue 01, pp. 12-16	
37	Tran Trong Kha, Phan Thi Ngoc Anh, Trần Thị Quỳnh Lan (2020), 'Testing Immunoglobulin Y (IgY) extract from chicken egg yolk', <i>Journal of Veterinary Sciences and Techniques</i> , XXVII-No. 7 - 2020, 75-82	
38	Vu Manh Khiem, Nguyen Van Tin, Tran Thi Quynh Lan (2020), 'In vitro antibacterial and pharmacological characteristics of Rhodomyrtus tomentosa and Cinnamomun zeylanicum leaf extract', <i>Journal of Veterinary Sciences and Techniques</i> , XXVII-No. 5 - 2020, 43-48	
39	Trần Thị Quỳnh Lan, Doan Thi Da Linh, Le Ho Truc Phuong (2019), 'A Simple Procedure for Extraction of Surface Protein of Salmonella Serotypes and Escherichia coli Strains Isolated from Poultry and Pigs', <i>Veterinary Science Research</i> , Vol 1, No 2, pp. 36-40	

40	Trần Thị Quỳnh Lan, Adèle Tisserand, Mai Huong Chatain – Ly, Nguyễn Văn Phát (2019), 'Xác định một số gene độc lực của <i>Staphylococcus aureus</i> phân lập trong những ca bệnh viêm vú cận lâm sàng trên bò sữa', <i>Kỷ yếu hội nghị khoa học chăn nuôi thú y toàn quốc</i> , pp.261-265
41	Tran T. Q. Lan, Marie-Lou Gaucher, Nguyen T. M. Nhan, Ann Letellier, and Sylvain Quessy (2018), 'Distribution of Virulence Genes among <i>Salmonella</i> Serotypes Isolated from Pigs in Southern Vietnam', <i>Journal of Food Protection</i> , Vol. 81, No. 9, pp. 1459-1466.
42	Tien T. Tran, Nhan T. T. Nguyen, Tien T. Ha, & Lan T. Q. Tran (2018), 'Separation of active constituents in some medicinal plants by thin layer chromatography', <i>The Journal of Agriculture and Development</i> , 17(5), pp. 27-34
43	Hoa Thi Thanh Huynh, Liem Tan Truong, Tongkorn Meeyam, Hien Thanh Le, Veerasak Punyapornwithaya (2019), 'Individual and flock immunity responses of naïve ducks on smallholder farms after vaccination with H5N1 Avian Influenza vaccine: a study in a province of the Mekong Delta, Vietnam', <i>PeerJ</i> , 16;7:e6268.
44	Dang Thi Ngoc Anh, Do Tan Duong, Nguyen Van Chanh, Truong Dinh Bao, Bui Thi Tra Mi và Duong Nguyen Khang (2021), ' <i>The combination of herbal extracts and essential oils contributes to the improvement of the growth performance and blood biochemical indicators in fattening pigs</i> ',
45	Dang Thi Ngoc Anh , Nguyen Van Chanh, Tran Van Khai, Do Tan Duong, Cong Hong Hanh, Dang Hoang Dao and Duong Nguyen Khang (2020), ' <i>Effects of a herbal extract mixture on growth performance and meat quality of fattening pigs</i> ',
46	Dương Nguyên Khang, Đỗ Tấn Dương, Đặng Thị Ngọc Anh, Trần Anh Tuấn, Trần Thị Mai Khanh, Axel Jarchow and Andreas zur Wicken (2019), 'Investigation of bioactive peptides supplementation in diet for

	growth performance of weaning - finishing pigs in VietNam', <i>Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi</i> , số 247, trang 29 - 33.	
47	Kazunori Murase, Takayasu Watanabe, Sakura Arai, Hyunjung Kim, Mari Tohya, Kasumi Ishida-Kuroki, Tấn Hùng Võ, Thị Phương Bình Nguyễn, Ichiro Nakagawa, Ro Osawa, Ngọc Hải Nguyễn, Tsutomu Sekizaki (2019), 'Characterization of pig saliva as the major natural habitat of <i>Streptococcus suis</i> by analyzing oral, fecal, vaginal and environmental microbiota', <i>PLoS ONE</i> 14(4): e0215983. https://doi.org/10.1371/journal.pone.0215983	
48	Duong Nguyen Khang, Dang Thi Ngoc Anh and T R Preston (2019), 'Effect of cassava leaf meal and coconut cake on methane production in an in vitro incubation using cassava root pulp and urea as substrate', <i>Livestock Research for Rural Development</i> , 31 (8) 2019	
49	Duong Nguyen Khang, Dang Thi Ngoc Anh and T R Preston (2019), 'Growth rate of Holstein-Friesian cattle was increased, and eructed methane was reduced, when a basal diet of cassava pulp-urea was supplemented with cassava foliage and coconut cake', <i>Livestock Research for Rural Development</i> , 31 (8) 2019	
50	Phuong L T B, Preston T R, Van N H and Dung D V (2019), 'Effect of additives (brewer's grains and biochar) and cassava variety (sweet versus bitter) on nitrogen retention, thiocyanate excretion and methane production by Bach Thao goats', <i>Livestock Research for Rural Development</i> , Volume 31, Article #1. Retrieved June 23, 2022	
51	Sangkhom I, Preston T R, Binh Phuong L T, Phung L D and Ngoan L D (2019), 'Simulating rice distillers' by-product with fermented sticky rice; effects on methane production in an in vitro rumen fermentation of ensiled cassava root, cassava foliage and urea', <i>Livestock Research for Rural Development</i> , Volume 31, Article #127	
52	Thuong T. Nguyen, Ayumi Miyake, Tu T.M. Tran, Takeshi Tsuruta and Naoki Nishino (2019), 'The relationship between uterine, fecal, bedding,	

	and airborne dust microbiota from dairy cows and their environment: A pilot study', <i>Animals</i> , 9(12), 1007; DOI: https://doi.org/10.3390/ani9121007	
53	Tung M. Che, Nhan T. M. Nguyen, Hai T. Nguyen, Tai T. Le, & Alexandre Péron (2018), 'Efficacy of organic acids as an alternative to antibiotic growth promoters in weaned pigs', <i>Tạp Chí Nông Nghiệp và Phát Triển</i> , 17(6): 8-14. DOI: 10.52997/jad.2.06.2018	
54	Dương Nguyên Khang, Bùi Văn Hưng, Thái Quốc Hiếu và Nguyễn Thanh Hải (2019), 'Sự tương quan giữa axit dạ cỏ, bệnh chân móng và năng suất sữa ở bò lai HF', <i>Tạp Chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi</i> , 246: 23-27	
55	Nguyen Thanh Hai, Nguyen Van Chanh and Duong Nguyen Khang (2019), 'Effects of dietary supplementation of sodium bicarbonate and organic zinc on ruminal pH level, milk yield and lameness of dairy cows', <i>Tạp Chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi</i> , 247: 49-54	
56	Dương Nguyên Khang, Nguyễn Quốc Trung và Nguyễn Thanh Hải (2019), 'Khả năng sinh trưởng của một số nhóm bê lai chuyên thịt tại Bến Tre', <i>Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi</i> , 98: 33-40.	
57	Nguyễn Thanh Hải và Đỗ Hòa Bình (2019), 'Khả năng sinh trưởng và sức kháng bệnh của dê Boer và F1 (Boer x Bách thảo) nuôi tại thành phố Hồ Chí Minh', <i>Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi</i> , 99: 8-16	
58	Nguyen Thanh Hai and Diep Tan Toan (2020), 'Efficacy of PCDairy application in optimal ration formulation for milking cows on milk productivity and quality in Vietnam', <i>Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ</i> , 12(1): 1-7. DOI: 10.22144/ctu.jen.2020.001	
59	Nguyễn Thanh Hải và Diệp Tấn Toàn (2020), 'Hiệu quả của Propylene glycol trong phòng và trị bệnh xeton huyết trong chăn nuôi bò sữa giai đoạn khai thác sữa', <i>Tạp chí Nông Nghiệp và Phát Triển</i> , 19(2): 28-35. DOI: 10.52997/jad.4.02.2020	
60	Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Nguyễn Thanh Hải, Tống Thị Mỹ Vinh và Chế	

	Minh Tùng (2020), 'Ảnh hưởng của thức ăn khởi đầu đến khả năng sinh trưởng của gà thịt Lượng Phụng thương phẩm', <i>Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ</i> , 56(2B): 37-43. DOI: 10.22144/ctu.jvn.2020.028	
61	Nguyễn Thanh Hải và Đỗ Hòa Bình (2020), 'Khả năng sinh trưởng và sức kháng bệnh của một số nhóm bê chuyên thịt tại Thành phố Hồ Chí Minh', <i>Tạp Chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi</i> , 257: 80-86.	
62	Nguyen Thanh Hai and Nguyen Van Chanh (2020), 'Efficacy of TMR feeding method in dairy husbandry on milk yield and quality in household dairy farms', <i>Tạp Chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi</i> , 258: 64-68	
63	Nguyễn Văn Chánh, Đỗ Văn Long và Nguyễn Thanh Hải (2021), 'Hiệu quả sử dụng phụ phẩm thay thế hoàn toàn cỏ trong chăn nuôi bê lai chuyên thịt cao sản giai đoạn vỗ béo từ 9 đến 12 tháng tuổi', <i>Tạp Chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi</i> , 263: 52-58	
64	Bang, N.N.; Chanh, N.V.; Trach, N.X.; Khang, D.N.; Hayes, B.J.; Gaughan, J.B.; Lyons, R.E.; Hai, N.T.; McNeill, D.M. (2021), 'Assessment of Performance and Some Welfare Indicators of Cows in Viet-nameese Smallholder Dairy Farms', <i>Animals</i> , 11(3), 674. DOI: https://doi.org/10.3390/ani11030674 .	
65	Bang, N.N.; Chanh, N.V.; Trach, N.X.; Khang, D.N.; Hayes, B.J.; Gaughan, J.B.; Lyons, R.E.; Hai, N.T.; McNeill, D.M. (2021), 'Issues of Feeding Strategy for Lactating Cows in Vietnamese Smallholder Dairy Farms', <i>Animals</i> , 11(3), 729. DOI: https://doi.org/10.3390/ani11030729 . (SCIE)	
66	Nguyễn Văn Lanh, Đinh Đức Tân, Tất Tân Hy, Nguyễn Thanh Hải và Ngô Hồng Phụng (2021), 'Ảnh hưởng khẩu phần tận dụng nguồn phụ phẩm địa phương và phương pháp gia nhiệt lên tăng trưởng và sức khỏe của bò lai BBB', <i>Tạp Chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi</i> , 267: 41-47	
67	Nguyễn Văn Chánh, Nguyễn Thanh Hải và Dương Nguyên Khang	

	(2021), 'Ảnh hưởng của các phương thức chăn nuôi lên bệnh chân móng và khả năng sản xuất của bò sữa', <i>Tạp Chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi</i> , 272: 60-65	
68	Nguyễn Văn Lanh, Tất Tân Hy, Đinh Đức Tân, Nguyễn Thanh Hải, Ngô Hồng Phụng và Nguyễn Thị Mỹ Nhân (2022), 'Hiệu quả giảm phát thải khí mê-tan in vitro với khẩu phần thừa ăn chăn nuôi bò thịt qua các quy trình xử lý nhiệt', <i>Tạp Chí Khoa Học Kỹ Thuật Chăn Nuôi</i> , 281: 84-90	
69	Nguyen, H. T., Nguyen, N. T. M., Ngo, P. H., & Nguyen, C. V (2022), 'Effects of dietary seaweed supplementation on milk productivity, quality and health of dairy cows', <i>Tạp Chí Nông Nghiệp và Phát Triển</i> , 21(6): 17-25. DOI: 10.52997/jad.3.06.2022.	
70	Dương Nguyên Khang, Đặng Hoàng Đạo, Nguyễn Thanh Hải và Nguyễn Văn Chánh (2019), 'Điều tra hiện trạng bệnh chân móng và ảnh hưởng của nó lên năng suất và chất lượng sữa của bò tại Thành phố Hồ Chí Minh', <i>Kỷ yếu Hội nghị Khoa Học Công Nghệ 2019 – Trường ĐH Công Nghệ TPHCM</i> , Việt Nam, [1510]: 1098-1107	
71	Thuong Thi Nguyen, Miyake Ayumi, Tanabe Yuji, Tsuruta Takeshi, and Nishino Naoki (2019), 'Uterine microbiota of dairy cows as influenced by season and postpartum period', <i>Japanese Society of Animal Science</i> , proceeding ISSN 1342-4688, 2019	
72	Nguyễn Thanh Hải và Đỗ Hòa Bình (2019), 'Khả năng sinh trưởng của bê lai F1 BBBxDroughtmaster, Droughtmaster thuần, F1 AngusxBrahman và Brahman thuần giai đoạn sơ sinh đến 4 tháng tuổi', <i>Kỷ yếu Hội Nghị Khoa Học Chăn Nuôi Thú Y Toàn Quốc 2019 – Trường ĐH Nông Lâm TPHCM</i> , Việt Nam, [579]: 465-469	
73	Hai T. Nguyen, Chanh V. Nguyen, Khanh T. V. Doan and Binh H. Do. (2020), 'Efficacy of TMR feeding method in mother goat husbandry on growth performance and disease resistancy of their F1 Boer kids of period from newborn to weaning', <i>Proceeding of The 3rd International Scientific Conference on Sustainable Agriculture and Environment</i>	

	(SAE) 2020, Trường Đại học Nông Lâm TP HCM, Việt Nam, [498]: 228-236	
74	Hanh H. Cong, Chanh V. Nguyen, Hai T. Nguyen, Quan T. Do, Khang N. Duong. (2020), 'Impacts of dietary iron nanoparticles on the growth performance of nursery Holstein Friesian calves', <i>Proceeding of The 3rd International Scientific Conference on Sustainable Agriculture and Environment</i> (SAE) 2020, Trường Đại học Nông Lâm TP HCM, Việt Nam, [498]: 274-281	
75	Chanh V. Nguyen, Thao P. T. Nguyen, Hai T. Nguyen and Phung K. T. Bui (2021), 'Dietary supplementation of garlic - turmeric - ginger mixture improves the performance of Noi hybrid chickens', <i>Kỷ yếu Hội Nghị Khoa Học Chăn Nuôi Thú Y Toàn Quốc 2021</i> – Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Việt Nam, [1077]:1062-1067	
76	Ngoc Tan Nguyen, Minh Thanh Tram, Thi Thu Pham, Tan Loi Le, Thi Khanh Ly Nguyen, Tuan Thanh Hoang, Cong Thieu Pham, Nguyen Khang Duong (2021), 'Genetic Divergence of Local Goats in Ninh Thuan Province Vietnam', <i>Advances in Animal and Veterinary Sciences</i> , 15, 2022	
77	Dang Thi Ngoc Anh, Do Tan Duong, Nguyen Van Chanh, Bui Thi Tra Mi, Dang Thi Ngoc Anh, Dang Hoang Dao and Duong Nguyen Khang (2022), 'Influence of the Combination of Herbal Extracts and Essential Oils on Meat Quality After Slaughter', <i>Acta scientific veterinary sciences</i> ,	
78	Phuong L T B, Preston T R and Leng R A (2020), 'Effect of contrasting sources of carbohydrate (sugar or starch) and bypass protein (leaf meal from sweet or bitter cassava) on methane production in a rumen in vitro incubation', <i>Livestock Research for Rural Development</i> , Volume 32, Article #70. Retrieved October 18, 2021, from http://www.lrrd.org/lrrd32/5/binh32070.html	
79	Le Thuy Binh Phuong, Vo Duy Khanh, Dang Hoang Dao, Duong	

	Nguyen Khang (2020), 'Fertility and milk yield of Saanen, Bach Thao and F1(Saanen x Bach Thao) goats.', <i>Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics</i> , 258, p16-21.	
80	Tran Thanh Tuan, Dang Hoang Dao, Le Thuy Binh Phuong, Duong Nguyen Khang (2021), 'A survey on goat farming in small scale households of Ho Chi Minh City, Vietnam', <i>Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics</i> , 268, p79-83.	
81	Thuong Thi Nguyen, Haoming Wu, Naoki Nishino (2020), 'An investigation of seasonal variations in the microbiota of milk, feces, bedding, and airborne dust', <i>Asian-Australas Journal Animal Science</i> , 33(11), 1858-1865. DOI: https://doi.org/10.5713/ajas.19.0506 .	
82	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Hồ Văn Quân, Đặng Văn Minh, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Thị Thương (2022), 'Khảo sát tình trạng bệnh lý bàng quang trên mèo tại TP. Hồ Chí Minh', <i>Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển</i> , 21(5), 30-37. DOI:10.52997/jad.4.05.2022	
83	Nguyễn Thị Thương, Phan Thị Ngọc Thử và Dương Nguyên Khang (2022), 'KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG CÂN BẰNG NĂNG LƯỢNG ÂM TRÊN BÒ SỮA SAU KHI SINH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH', <i>Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi Việt Nam</i> , 282, 50-57	
84	Nguyễn Thị Thương, Nishino Naoki (2021), 'Investigation of milk microbiota in dairy cows at 1 and 2 months after calving by quantitative PCR', <i>Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Chăn nuôi Thú y toàn quốc</i> , AVS 2021, proceeding, 655-660.	
85	Nguyễn Thị Thương, Đinh Tiến Tài và Phan Chí Thông. (2021), 'Tình trạng bảo hộ đối với bệnh Newcastle tại các trang trại chăn nuôi gà công nghiệp ở tỉnh Đồng Nai', <i>Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y Việt Nam</i> , 2021, 28(7), 52-58.	
86	Nguyen Thi Thuong and Nishino Naoki (2020), 'Correlation between uterine microbiota and nutritional status in postpartum dairy cows', <i>The 3rd International Conference on Sustainable Agriculture and</i>	

	<i>Environment</i> , proceeding, 461-468	
87	Nguyễn Thị Thương, Trần Thị Minh Tú, Tsuruta Takeshi và Nishino Naoki. (2019), 'Sự ổn định và biến đổi của hệ vi sinh trong tử cung bò sữa sau khi sinh', <i>Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Chăn nuôi Thú y toàn quốc</i> , 181-185.	
88	Ngoc Tan Nguyen, Pham Kim Ngan Nguyen, Thao Huong Phan, Tan Loi Le, Thi Khanh Ly Nguyen, Tuan Thanh Hoang, Cong Thieu Pham, Cong Dinh Nguyen, Duong Nguyen Khang (2022), 'Genetic Diversity of Native Buffalo Populations in Vietnam Based on Mitochondrial D-Loop Nucleotide Sequence', <i>Advances in Animal and Veterinary Sciences</i> . September 01, 2022	
89	Tran, T. T., Nguyen, N. T. T., Ha, T. T., & Tran, L. T. Q (2018), 'Separation of active constituents in some medicinal plants by thin layer chromatography', <i>The Journal of Agriculture and Development</i> 17(5), 60-67	
90	Nguyen T. Thuong, Nguyen T. M. Nhan, Nguyen T. B. Lien, Phan C. Thong (2022), 'PROTECTION OF NEWCASTLE DISEASE IN CHICKEN AFTER VACCINATION IN DONG NAI PROVINCE', <i>The 4rd International Conference on Sustainable Agriculture and Environment</i> , IOP Conference Series: Earth and Environmental Science.	
91	Tu Thi Minh Tran, Diep Hoang Tran, Thuong Thi Nguyen, ToMas J. acosTa, Takeshi Tsuruta, Naoki Nishino, Hai Thanh Duong (2022), 'Fecal, Milk, Uterine, Airborne Dust, and Water Microbiota in Dairy Farms in Southern Vietnam: A Pilot Study', <i>Advances in Animal and Veterinary Sciences</i> , 10(7), 1525-1531. https://doi.org/10.17582/journal.aavs/2022/10.7.1525.1531	
92	Nguyen, T. Q., Knap P. W., Simm, G., Edwards, S. A., and Roehe, R. (2021), 'Evaluation of Direct and Maternal Responses in Reproduction Traits Based on Different Selection Strategies for Postnatal Piglet Survival in a Selection Experiment.', <i>Genetics Selection Evolution</i> 53	

	(1): 28. https://doi.org/10.1186/s12711-021-00612-7 .	
93	N. T. Xuân NGUYEN, Philippe DANIEL, Jean-François PILARD, Ronan CARIOU, Frédérique GIGOUT, Françoise LEROI (2022), 'Antibacterial activity of plasma-treated polypropylene membrane functionalized with living <i>Carnobacterium divergens</i> in cold-smoked salmon', <i>Food Control</i> 137 - 108903. https://doi.org/10.1016/j.foodcont.2022.108903	
94	D. T. N. Anh, D. T. Duong, N. V. Chanh, B. T. T. Mi, D. T. N. Anh, D. H. Dao and D. N. Khang (2022), 'Influence of the combination of herbal extracts and essential oils on meat quality after slaughter', <i>Acta scientific veterinary sciences</i> 4(1), 194 - 200 doi:10.31080/ASVS.2022.04.0297.	
95	T T Nguyen, T M N Nguyen, T B L Nguyen and C T Phan (2023), 'Protection against Newcastle disease in chicken after vaccination in Dong Nai province.', <i>IOP Conf. Ser.: Earth Environ. Sci.</i> 1155 012035 DOI 10.1088/1755-1315/1155/1/012035	
96	L T B Phuong, L A Tuyet, D T M Linh, L T N Nguyen and T R Preston (2023), 'Effect of added yeast fermented rice at differential levels on methane production in in vitro incubation using elephant grass and cassava leaves as basal substrate', <i>Livestock Research for Rural Development</i> 35 (9) 2023 https://www.lrrd.org/lrrd35/9/3587phun.html	
97	Ngoc Tan Nguyen, Tan Loi Le, Thi Kim Ngan Vo, Chi Hieu Do, Tuan Thanh Hoang, Nguyen Khang Duong, Quang Minh Luu (2023), 'Effect of a Polymorphism in Prolactin Gene on Some Reproductive Traits in TB Crossbred Ducks in Southern Vietnam', <i>Anim. Vet. Sci.</i> 11(6):886-892 https://dx.doi.org/10.17582/journal.aavs/2023/11.6.886.892	
98	Ngoc Hai Nguyen, Danh Cong Lai, My Duyen Nguyen Thi (2023), 'Phylogenetic and genotypic characteristics of the foot-and-mouth disease virus from outbreaks in southern Vietnam, 2019', <i>Virology</i> Volume 582, May 2023, Pages 43-47 https://doi.org/10.1016/j.virol.2023.03.010	
99	Trương Phạm Minh Tâm, Võ Phú Quý, Ngô Hồng Phượng, Nguyễn Văn Chánh, Võ Thị Ngọc Hà, Nguyễn Thanh Hải và Dương Nguyễn Khang (2023), 'Giá trị dinh dưỡng và tiềm năng làm thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại từ hai loại hạt ngũ cốc trồng trong hệ thống thủy canh', <i>Tạp</i>	

	<i>chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi</i> , 289, 37-42	
100	Trương Phạm Minh Tâm, Võ Phú Quý, Ngô Hồng Phụng, Nguyễn Văn Chánh, Võ Thị Ngọc Hà, Nguyễn Thanh Hải và Dương Nguyên Khang (2023), 'Bổ sung mầm lúa gạo thủy canh trong khẩu phần ăn cải thiện khả năng tiêu hóa và sinh trưởng của dê thịt ở điều kiện khí hậu Việt Nam', <i>Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi</i> , 289, 76-82	
101	Bùi Thị Kim Phụng và Cao Phước Uyên Trân (2023), 'Khảo sát trứng gà thương phẩm thuộc các giống gà ở thị trường miền Nam Việt Nam', <i>Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi</i> , 289, 88-91	
102	Đoàn Trần Vĩnh Khánh, Nguyễn Hữu Trung, Lại Công Danh, Ngô Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Phương Trang, Võ Thị Huệ, Nguyễn Minh Nam và Đỗ Tiến Duy (2023), 'Hiệu quả của vaccine miễn dịch không xâm lấn trên lợn đực', <i>Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi</i> , 289, 97 - 101	
103	Võ Phú Quý, Trương Phạm Minh Tâm, Nguyễn Thanh Hậu, Nguyễn Văn Chánh, Nguyễn Thanh Hải và Ngô Hồng Phụng (2023), 'Bổ sung Methionine thoát qua dạ cỏ cải thiện sức khỏe và năng suất bò cái sinh sản và bê', <i>Tạp chí khoa học kỹ thuật chăn nuôi</i> , 289, 106-206	
104	Dang Thi Ngoc Anh, Nguyen Kien Cuong, Do Tan Duong, Bui Thi Tra Mi, Dang Thi Ngoc Anh and Duong Nguyen Khang (2023), 'Reproduce performance and animal welfare assessment on sow and piglets by farm size', <i>Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics</i> , 291, 54 - 62	
105	Phạm Minh Mẫn, Lê Thanh Hiền, Nguyễn Phạm Huỳnh, Đặng Thị Lê Hân, Nguyễn Châu Nguyệt An, Nguyễn Tất Toàn (2023), 'Diễn biến tình trạng nhiễm lawsonia intracellularis trên heo tại một số trại chăn nuôi ở miền nam việt nam', <i>Kỷ yếu hội nghị chăn nuôi thú y toàn quốc 2023</i> , 75-82	
106	Phạm Phúc Thịnh, Nguyễn Văn Hiệp, Ngô Bá Duy (2023), 'Đánh giá độc động học về cmax, tmax, auc trong huyết thanh của kháng sinh cefquinome trên heo thịt khỏe mạnh', <i>Kỷ yếu hội nghị chăn nuôi thú y</i>	

	<i>toàn quốc 2023, 120-125</i>	
107	Ngô Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Lê Thị Kim Tuyền, Nguyễn Mạnh Hồ, Quách Tuyết Anh (2023), 'Đánh giá ảnh hưởng của việc chủng ngừa vắc xin phòng bệnh ort trên gà đẻ isa brown', <i>Kỷ yếu hội nghị chăn nuôi thú y toàn quốc 2023</i> , 201-209	
108	Nguyễn Duy Linh, Lê Hữu Ngọc, Nguyễn Thị Phương Trang, Nguyễn Thị Thu Năm, Quách Tuyết Anh, Lê Thanh Hiền (2023), 'Sự hiện diện của avian leukosis virus trong chăn nuôi gà ác đẻ trứng thương phẩm tại tỉnh tiền giang - việt nam', <i>Kỷ yếu hội nghị chăn nuôi thú y toàn quốc 2023</i> , 242-248	
109	Nguyễn Thị Thương, Nguyễn Hoàng Khang, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Vũ Thụy Hồng Loan (2023), 'Tình trạng viêm móng trên bồ thịt vỗ béo tại huyện đức hòa, tỉnh long an', <i>Kỷ yếu hội nghị chăn nuôi thú y toàn quốc 2023</i> , 325-331	
110	Vu Phuong Thao, Pongrawee Saenpanya, Le Quan Thong (2023), 'Nghiên cứu bệnh cơ tim phì đại trên mèo: Tỷ lệ lưu hành và một số đặc điểm của mèo bệnh', <i>Kỷ yếu hội nghị chăn nuôi thú y toàn quốc 2023</i> , 394-406	
111	Lê Hồng Hòa, Lý Gia Khang, Nguyễn Hoàng Khánh, Lê Quang Thông (2023), 'So sánh hai hỗn hợp gây mê phẫu thuật trong điều trị viêm tử cung và triệt sản trên chó cái', <i>Kỷ yếu hội nghị chăn nuôi thú y toàn quốc 2023</i> , 407-421	
112	Lưu Thanh Hạ, Nguyễn Thị Hằng, Đỗ Huỳnh Đức Huy, Trần Thị Quỳnh Lan, Nguyễn Thị Kim Thương, Ngô Bá Duy (2023), 'Nghiên cứu xác định feline immunodeficiency virus trên mèo nuôi nhà tại thành phố biên hòa, tỉnh đồng nai', <i>Kỷ yếu hội nghị chăn nuôi thú y toàn quốc 2023</i> , 428-436	
113	Hyeok-Il Kwon, Duy Tien Do, Hung Van Vo, Seung-Chul Lee, Min Ho Kim, Dung Thi Thuy Nguyen, Tan Minh Tran, Quang Tin Vinh Le, Tram Thi Ngoc Ngo, Nam Minh Nguyen, Joo Young Lee, Toan Tat	

	Nguyen (2022), 'Development of optimized protocol for culturing African swine fever virus (ASFV) field isolates MA 104 cells', <i>Canadian veterinary medical association</i> , 1075 (2021). https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/36211218/	
114	An Vo TT and Trieu Ly H (2022), 'Minimum Bactericidal Concentration (MBC) of Extract From <i>Pouzolzia zeylanica</i> against Respiratory Bacteria from Pigs and Chickens', <i>International Journal of Livestock Research</i> , DOI: 105455/ijlr20220228060921	
115	Hai Ngoc Nguyen Quan T Nguyen Binh T P Nguyen Thu H A Tran Duy T Do & Hai Thanh Hoang (2022), 'Detection of African swine fever virus in neonatal piglets with congenital tremors', <i>Archives of Virology</i> , DOI: 101007/s00705-022-05378-x	
116	Ngoc Hai Nguyen Phuong Binh Thi Nguyen Trung Quan Nguyen Duy Tien Do My Duyen Thi Nguyen Minh Nam Nguyen (2022), 'Genotypic diversity of CSFV field strains: A silent risk reduces vaccination efficacy of CSFV vaccines in Vietnam', <i>Virology</i> , DOI: 101016/jvirol202204002	
117	Danh Cong Lai Hong Nho Thi Le Bui Thi To Nga Duy Tien Do (2022), 'Facing the challenges of endemic African Swine Fever in Vietnam', <i>CABI Reviews</i> , 156, DOI: 101079/cabireviews202217037	
118	Nguyen N Bang Nguyen V Chanh Nguyen X Trach Duong N Khang Ben J Hayes John B Gaughan Russell E Lyons & David M McNeill (2022), 'Multivariate analysis identifying the main factors associated with cow productivity and welfare in tropical smallholder dairy farms in Vietnam', <i>Tropical Animal Health and Production</i> , DOI: 101007/s11250-022-03303-7	
119	Bach Tuan Kiet Nguyen Thi Nhung Nguyen Thi Phuong Yen Doan Hoang Phu Nguyen Thi Thuy Dung Lam Kim Yen Ho Thi Viet Thu and Juan J Carrique-Mas (2022), 'Impact of Freeze Storage on the Estimation of Phenotypic Antimicrobial Resistance Prevalence in <i>Escherichia coli</i> Collected from Faecal Samples from Healthy Humans and Chickens', <i>Antibiotics</i> , DOI: 103390/antibiotics11111643	
120	Nguyen HT, Do SQ, Athurupana R, Wakai T, Funahashi H (2023),	

	'Rapid thawing of frozen bull spermatozoa by transient exposure to 70°C improves the viability, motility and mitochondrial health', <i>Animal Reproduction</i> , 20(3): e20220127. DOI: 10.1590/1984-3143-AR2022-0127.	
121	Hai Thanh Nguyen, Son Quang Do, Hiroshi Kobayashi, Takuya Wakai, Hiroaki Funahashi (2023), 'Negative correlations of mitochondrial DNA copy number in commercial frozen bull spermatozoa with the motility parameters after thawing', <i>Theriogenology</i> , 210: 154-161. DOI: 10.1016/j.theriogenology.2023.07.027	
122	Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Thiện Long, Đặng Thị Ngọc Anh, Võ Văn Đông, Nguyễn Kiên Cường và Nguyễn Văn Chánh (2024), 'Ảnh hưởng của bổ sung đậm chiết xuất từ đậu nành lên sinh trưởng và thu nhận thức ăn của bê cái hướng sữa giai đoạn sơ sinh đến 70 ngày tuổi', <i>Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi</i> , 297: 31-36.	
123	Wanniarachchige Tharindu Lakshitha Fonseka, Son Quang Do, Phong Ngoc Van, Hai Thanh Nguyen, Takuya Wakai, Hiroaki Funahashi (2024), 'The impact of cumulus cell viability and pre-culture with the healthy cell mass on brilliant cresyl blue (BCB) staining assessment and meiotic competence of suboptimal porcine oocytes', <i>Theriogenology</i> , 226: 158-166, DOI: 10.1016/j.theriogenology.2024.06.012.	
124	Son Quang Do, Hai Thanh Nguyen, Takuya Wakai, Hiroaki Funahashi (2024), 'Exogenous expression of PGC-1 α during in vitro maturation impairs the developmental competence of porcine oocytes', <i>Theriogenology</i> , 228: 30-36. DOI: 10.1016/j.theriogenology.2024.07.021.	
125	Hai Thanh Nguyen, Cuong Kien Nguyen, Duy Ba Ngo, Anh Thi Ngoc Dang (2024), 'Pork quality improvement through dietary supplementation of ingredients enriched with unsaturated fatty acid and natural antioxidants: New research trend', <i>Advances in Animal and Veterinary Sciences</i> , <i>accepted</i> .	
126	Daniel Aquino, Arnel Del Barrio, Nguyen Xuan Trach, Nguyen Thanh Hai, Duong Nguyen Khang, Nguyen Tat Toan, and Nguyen Van Hung, 2020. Chapter 7: Rice Straw-Based Fodder for Ruminants, pp 111-129	

	(10.1007/978-3-030-32373-8_7). In: Gummert, M., Hung, N., Chivenge, P., Douthwaite, B. (eds) <i>Sustainable Rice Straw Management book</i> . Springer, Cham, Switzerland. ISBN 978-3-030-32372-1, ISBN 978-3-030-32373-8 (eBook), 192 pages (https://doi.org/10.1007/978-3-030-32373-8).	
127	N. Nguyen, C.V. Nguyen, H.T. Nguyen, T.X. Nguyen, K.D. Nguyen, S.H. Nguyen, H.T. Nguyen, J.B. Gaughan, R. Lyons, B.J. Hayes and D.M. McNeill (2019), 'Feeding value of lactating cow diets popularly used by Vietnamese household dairy farms', Book of Abstracts of the 70th Annual Meeting of the <i>European Federation of Animal Science</i> – Nhà xuất bản Wageningen Academic, Belgium, ISBN: 978-90-8686-339-6, ISSN 1382-6077, [713]: Tiểu ban 59, trang 557.	
128	N. Nguyen, J.B. Gaughan, C.V. Nguyen, H.T. Nguyen, T.X. Nguyen, K.D. Nguyen, B.J. Hayes, R. Lyons and D.M. McNeill (2019), 'Heat stress and productivity in lactating Vietnamese household dairy cows', Book of Abstracts of the 70th Annual Meeting of the <i>European Federation of Animal Science</i> – Nhà xuất bản Wageningen Academic, Belgium, ISBN: 978-90-8686-339-6, ISSN 1382-6077, [713]: Tiểu ban 67, trang 611.	
129	Nguyen T. Hai, Nguyen V. Chanh, Che M. Tung and Duong N. Khang (2018), 'Effects of dietary supplementation of Sodium Bicarbonate and Organic Zinc on ruminal pH level, milk yield and lameness in dairy cows', Book of Abstracts of The 2nd <i>International Scientific Conference on Sustainable Agriculture and Environment</i> (SAE) 2018, Trường ĐH Nông Lâm TP HCM, Việt Nam, trang 47 [85].	
130	Hai Thanh NGUYEN, Son Quang DO, Rukmali ATHURUPANA, Takuya WAKAI, Hiroaki FUNAHASHI (2021), 'Rapid thawing by transient exposure to 70 oC water improves the viability and motility, but not acrosome integrity and PLC zeta-1 distribution of frozen bull spermatozoa', <i>International Symposium on Animal Bioscience</i> (ISAB) 2021, Trường Đại học Nông Lâm TP HCM, Việt Nam và Đại học Okayama, Nhật Bản, PB-13.	
131	Nguyen, T.Q., Dewhurst, R.J., Knap, P.W., Edwards, S.A., Simm, G., Roehe, R. (2019), 'Bayesian estimation of genetic parameters for piglet survival and birth weight at piglet and sow level using population kept under outdoor	

	conditions.', The Proceeding of the <i>British Society of Animal Science</i> – BSAS 75th Annual Conference 2019. Edinburgh, Scotland, 9-11 April 2019.	
132	Nguyen, T.Q., Dewhurst, R.J., Knap, P.W., Edwards, S.A., Simm, G., Roehe, R. (2019), 'Estimation of direct and maternal genetic responses based on a piglet post-natal survival selection', Book of Abstracts of the 70th <i>Annual Meeting of the European Federation of Animal Science (EAAP)</i> , Ghent, Belgium, 26-30 August 2019	
133	Nguyen Thanh Hai, Do Quang Son, Lakshitha Fonseka, Takuya Wakai, Hiroaki Funahashi (2022), 'Migration of PLCZ1 distribution in frozen-thawed bull spermatozoa occurs during acrosomal exocytosis, but its translocation is not influenced by thawing protocols', <i>Kansai Society of Animal Science Meeting 2022</i> (15-16 tháng 10 năm 2022), Đại học Okayama, Nhật Bản, trang 21	
134	Do Quang Son, Nguyen Thanh Hai, Takuya Wakai and Hiroaki Funahashi (2022), 'Effects of expression of exogenous PGC-1ALPHA on developmental competence of porcine oocytes', <i>Kansai Society of Animal Science Meeting 2022</i> (15-16 tháng 10 năm 2022), Đại học Okayama, Nhật Bản, trang 21	
135	Lakshitha Fonseka, Nguyen Thanh Hai, Do Quang Son, Takuya Wakai, Hiroaki Funahashi (2022), 'Identify the relationship between Brilliant Cresyl Blue (BCB) staining and initial dead cell ratio of cumulus cells in germinal vesicle stage of porcine oocytes', <i>Kansai Society of Animal Science Meeting 2022</i> (15-16 tháng 10 năm 2022), Đại học Okayama, Nhật Bản, trang 22	
136	Nguyen T. Hai, Do Q. Son, Lakshitha Fonseka, Takuya Wakai and Hiroaki Funahashi (2022), 'Redistribution of PLCZ1 in frozen bull spermatozoa appears through acrosomal exocytosis, but its dynamic is not affected by thawing methods', <i>The International Conference on Sustainable Agriculture and Environment (SAE) 2022</i> (17-19 tháng 11 năm 2022), Trường Đại học Nông Lâm TP HCM, Việt Nam. Book of	

	Abstracts of The 4 th International Conference on Sustainable Agriculture and Environment, session 7, O-702, trang 69	
137	Do Q. Son, Nguyen T. Hai, Takuya Wakai and Hiroaki Funahashi (2022), 'Effects of forced expression of PGC-1ALPHA on developmental competence of porcine oocytes. The International Conference on Sustainable Agriculture and Environment (SAE) 2022 (17-19 tháng 11 năm 2022), Trường Đại học Nông Lâm TP HCM, Việt Nam', Book of Abstracts of The 4 th International Conference on Sustainable Agriculture and Environment, session 7, O-703, trang 70	
138	Hai Thanh NGUYEN, Son Quang DO, Hiroshi KOBAYASHI, Takuya WAKAI, Hiroaki FUNAHASHI (2023), 'Mitochondrial DNA copy number in frozen-thawed bull spermatozoa is negatively correlated with the motility', Proceedings of the <i>International Symposium on Animal Bioscience 2023</i> , Trường Đại học Nông Lâm TP HCM, Việt Nam và Đại học Okayama, Nhật Bản, PB-10, trang 29. (Oral, Đăng tóm tắt). https://www.okayama-u.ac.jp/user/isab/dl/proceedings.pdf	
139	N.B. Duy, N.T. Hai, N.K. Cuong, D.N. Khang, D.T.N. Anh, T.D. Do. (2024), 'Satisfying the animal welfare principles in pig husbandry affects meat quality indicators after slaughter by scale', <i>Proceedings of the 27th International Pig Veterinary Society Congress (IPVS) & 15th European Symposium of Porcine Health Management (ESPHM)</i> , Poster 914, June 4-7, 2024 at Leipzig, Germany	
140	Hoàng Trần Thúy An, Trần Thanh Tiến, Võ Thị Trà An (2019), 'Khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của cao thô từ lá dã quỳ đối với các vi khuẩn phân lập từ chất độn chuồng gà – Detection of antimicrobial activity of <i>Tithonia diversifolia</i> leaf extract against bacteria isolates from broiler bedding', <i>Kỷ yếu hội nghị Khoa học Chăn nuôi Thú y toàn quốc. Tp Hồ Chí Minh</i> , 6-8 Sep 2019, p.274	
141	Đoàn Thị Hồng Hạnh, Trần Thanh Tiến và Võ Thị Trà An (2019), 'Nghiên cứu sinh trưởng của vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> – Study on the growth of <i>Bacillus subtilis</i> ', <i>Kỷ yếu hội nghị Khoa học Chăn nuôi Thú y toàn quốc. Tp Hồ Chí Minh</i> , 6-8 Sep 2019, p. 575	

142	Le Ngoc Man, Nguyen Thi Thuong, Phung Thi Thuy Lieu, Naoki Nishino, Tran Thi Minh Tu (2022), 'The relationship between milk yield and fecal microbiota of lactating dairy cows at various regions in the south of Vietnam', <i>International Conference on Sustainable Agriculture for Food Security – AFS 2022</i> , Tien Giang University - June 24, 2022, proceeding ISBN ISBN 978-604-67-2383-7	
143	Nguyen, T., Rutherford, K., Auffret, M., Simm, G., Dewhurst, R., Baima, E., Roehe, R (2020), 'Identification of intestinal and faecal microbiome as biomarkers for social stress in pigs', Book of Abstracts of the 71st <i>Annual Meeting of the European Federation of Animal Science (EAAP)</i> , Virtual Meeting, 1-4 December 2020	
144	Nguyen, T.Q., Martínez-Álvaro, M., Rutherford, K.M.D., Auffret, M.D., Simm, G., Dewhurst, R.J., Baima, E.T., Roehe, R. (2022), 'Microbial biomarkers for pig performance traits under different social stress challenges', The Proceedings of the <i>British Society of Animal Science – BSAS 78th Annual Conference 2022</i> . Nottingham, United Kingdom, 12-14 April 2022	

3.4. Hợp tác quốc tế

3.4.1 Hội nghị, hội thảo khoa học ngành, chuyên ngành trong và ngoài nước

Bảng 7. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành trong 5 năm gần nhất

STT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1	International Symposium on Animal Bioscience	2021, 2023 tại Trường Đại học Nông Lâm TP HCM, Việt Nam và Đại học Okayama, Nhật Bản	Đại học Okayama, Nhật Bản	https://iro.hcmuaf.edu.vn/iro-39205-1/vn/hoi-nghi-quoc-te-chuyen-de-ve-khoa-hoc-sinh-hoc-dong-vat.html ,

				https://www.okayama-u.ac.jp/eng/news/index_id10695.html , https://www.okayama-u.ac.jp/user/isab/
2	International Conference on Sustainable Agriculture and Environment	2020, 2022, 2024	Đại học Okayama, Nhật Bản	https://sae.hcmuaf.edu.vn/
3	Hội nghị Khoa học Chăn nuôi Thú y Toàn quốc	2017, 2019, 2021, 2023	Trường ĐH Cần Thơ, ĐH Nông Lâm TPHCM, ĐH Nông Lâm Huế, Học Viện Nông Nghiệp Hà Nội	https://iro.hcmuaf.edu.vn/iro-35107-1/vn/hoi-nghi-chan-nuoi-thu-y-toan-quoc-nam-2019.html , https://avs2023.vnua.edu.vn/
4	Kansai Society of Animal Science Meeting 2022	15 th – 16 th October, 2022 tại Đại học Okayama University		
5	Asian Pig Veterinary Society Congress	25-28 tháng 8, 2019, tại Hàn Quốc		
6	Annual Meeting of the European Federation of Animal Science	26-30 tháng 8 2019, Wageningen Academic, Ghent,		

		Belgium		
7	Annual Conference of the British Society of Animal Science	9-11 Tháng 04, 2019, Edinburgh, Scotland,		
8	International Pig Veterinary Society Congress	11-14 tháng 6, 2018, Chongqing, China		
9	One Health antimicrobial resistance coordinating workshop	7-8 Tháng 10, 2019, Hà Nội		
10	Conference on Science and Technology 2019	07/2019		

3.4.2 Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài đã và đang triển khai

Bảng 8. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài trong 5 năm gần nhất đã và đang triển khai

STT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả nghiên cứu trên tạp chí, website	Giảng viên tham gia
1	Vietnamese Platform for Antimicrobial Reduction in Chicken production	OUCRU - HCM	2017/2021			Trương Đình Bảo, Nguyễn Thị Thùy Dung, Đoàn Hoàng Phú
2	VACAL: A tool to measure antimicrobial usage through sales at veterinary drug shops intended for livestock in Vietnam	FAO - VN	2020/2020			Trương Đình Bảo, Dương Tiểu Mai, Nguyễn Thị Phương Trang
3	Stop Spillover project: WP1 and 2	Tufts University - USA, VOHUN - VN	2022/2022			Trương Đình Bảo
4	Strengthening Biosecurity Measures in the Pig Industry in 4 ASEAN Countries to Control the	VetAgro Sup - ENSV-FVI - France	2022/2024			Trương Đình Bảo, Lê Thanh Hiền, Lê Quang Thông, Nguyễn Ngọc Thanh Xuân,

	Spread of African Swine Fever BIG project						Nguyễn Thị Phương Trang
5	Risk mitigation and management of health threats from animals in Viet Nam – OSRO/VIE/001/USA	FAO - VN	2023/2023				Nguyễn Thị Thùy Dung
6	Intervention to decrease CRE colonization and transmission between hospitals, households, communities and domesticated animals -I-CRECT project _ animal sector	CIRAD - VN, VOHUN - VN	2022/2024				Trương Đình Bảo
7	Rabies mass vaccination in animal for community health	NLU, BL, VOHUN, UMP, Sub-DAH-LongAn	2021/2025				Lê Quang Thông, Nguyễn Kiên Cường, Võ Dương Minh, Lý Hồng Sơn, Trương Đình Bảo, Nguyễn Thị Phương Trang, Tô Thị Hồng Phượng, Phạm Phúc Thịnh
8	Khảo sát các cơ sở pháp lý và sự phối kết hợp các bên trong quản lý	CIFOR, ILRI	2021/2021				Lê Quang Thông, Nguyễn Văn Chánh, Đoàn Trần Vĩnh

	động vật hoang dã tại Việt Nam					Khánh, Dương Tiểu Mai, Nguyễn Thị Phương Trang, Trương Đình Bảo, Nguyễn Thị Thu Năm
9	ASEAN veterinary volunteer project AVVP 2019	Kasetsart University Thailand	2019/2019			Nguyễn Văn Chánh, Lý Hồng Sơn, Trương Đình Bảo, Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Kiên Cường, Lê Quang Thông, Nguyễn Vạn Tín
10	PREZODE (Preventing ZOonotic Disease Emergence), PREACT_T3	France, Germany	2023/025			Trương Đình Bảo
11	Tackling Antimicrobial Resistance in Vietnam - Survey on AMU policies application	FHI 360 - UK	2023/2024			Trương Đình Bảo, Bùi Thị Trà Mi, Đoàn Trần Vĩnh Khánh, Nguyễn Thanh Hải, Đặng Thị Ngọc Anh, Nguyễn Ngọc Thanh Xuân, Nguyễn Thị Thùy Dung
12	Realization of a typology of poultry farming system regarding their	European Union's Horizon	2020/2021			Nguyễn Thị Phương Trang, Trương Đình Bảo

	antibiotic use practices in Vietnam - WP of ROADMAP project	2020					
13	APCOVE field epidemiology training	Sydney University	2021/2023			Trương Đình Bảo, Nguyễn Thị Thùy Dung	
14	Improving dairy cattle health and production in Vietnam	ACIAR - Úc	2016/2019			Dương Nguyễn Khang, Nguyễn Văn Chánh, Nguyễn Thanh Hải	
15	Improving herd/cow management for sustainable productivity of local beef meat in Southern Vietnam	VLIR-UOS, Bỉ	2018/2020			Dương Nguyễn Khang, Nguyễn Văn Chánh, Nguyễn Thanh Hải	
16	Joint endeavour to enhance dairy and beef production in Vietnam, Uganda & Ethiopia through monitoring of Negative Energy Balance in early lactation	VLIR-UOS, Bỉ	2020-2022			Dương Nguyễn Khang, Lê Thị Bình Phương	
17	Application on Black Soldier Fly (<i>Hermetia illucens</i>) rearing technology as a tool to improve environment safety, sustainability and rural development in South of	AgriSeFo2030, Sida, Thụy Điển	2022/2023			Dương Nguyễn Khang, Lê Thụy Bình Phương, Nguyễn Quang Thiệu, Nguyễn Thị Thương	

	Vietnam: Emphasis on aquaculture production							
18	Sustainable rice-straw management for improving farmer livelihoods and low environmental footprint in rice-based production systems	AgriSeFo2030, Sida, Thụy điển	2023/2024				Dương Nguyên Khang, Lê Thụy Bình Phương, Nguyễn Thanh Hải	
19	Study on Feed Formulation Tool Application for Steer Zebu cattle in Vietnam	Bộ Nông nghiệp Hoa kỳ, Chương trình toàn cầu	2023/2023				Dương Nguyên Khang	
20	Development of a Feed Ration Formulation Tool	Bộ Nông nghiệp Hoa kỳ, Chương trình toàn cầu	2024/2026				Dương Nguyên Khang	
21	Summer course in Animal Science and Sustainable Livestock	Okayama University, Japan	2019, 2020, 2023, 2024				Bùi Thị Trà Mi, Nguyễn Thanh Hải	

3.4.3 Các hình thức hợp tác quốc tế khác

Ngoài việc hợp tác với nước ngoài trong việc triển khai các dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, khoa còn mở rộng hợp tác với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới trong việc trao đổi sinh viên thực tập hè, thực tập tốt nghiệp và tổ chức các hội thảo chuyên ngành cho giảng viên và sinh viên.

3.5. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo nâng cao

3.5.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị

Bảng 9. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở trình độ đại học

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	256	107.174			
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	19	6.136			
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	31	8.408			
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	10.832			
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	115	7.854			
6	Số phòng học đa phương tiện					
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	10	618			
8	Thư viện, trung tâm học liệu	3	6.946			
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	10	10.562			

(trong đó ở cột Ghi chú: cần ghi rõ thiết bị; danh mục học liệu, tài liệu thư viện và liên kết thư viện mới đã được đầu tư ở mức cao hơn so với mức đầu tư của chương trình đào tạo đại trà để đáp ứng yêu cầu đào tạo nâng cao)

3.5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

Tổng diện tích thư viện: 4800 m², trong đó diện tích phòng đọc: 444 m², phòng mượn: 362m², phòng tự học 392m², Kho luận văn-luận án: 152m², phòng truy cập internet: 188m², phòng Multimedia: 378m²

- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 100

- Phần mềm quản lý thư viện: Libol

- Thư viện điện tử: đã kết nối được với 6 cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước (Proquest Central, Oare, Agora, Hinari, KQNC, STD); việc tra cứu của giảng viên, sinh viên trong toàn trường có thể được thực hiện tại thư viện hay trực tuyến.

Số lượng sách: 12000 đầu sách với 40000 bản; hơn 20000 luận văn, luận án; hơn 100 nhan đề báo, tạp chí chuyên ngành; các tài liệu điện tử và cơ sở dữ liệu online và giáo trình điện tử.

Bảng 10. Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng in	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình chăn nuôi lợn	Nguyễn Quang Linh và Phùng Thăng Long	Nhà xuất bản Hà Nội, 2018		Chăn nuôi heo	203 714		
2	Whittemore's	Colin T. Whitte	Blackwell Publishin,		Chăn nuôi heo	203 714		

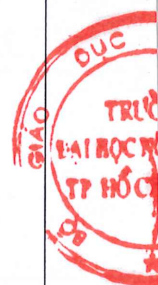
	Science and Practice of Pig Production	more	2018					
3	Chapter 7: Rice Straw-Based Fodder for Ruminants (in Sustainable Rice Straw Management book)	Daniel Aquino, Arnel Del Barrio, Nguyen Xuan Trach, Nguyen Thanh Hai, Duong Nguyen Khang, Nguyen Tat Toan, and Nguyen Van Hung	Springer, Cham, Switzerland. 2020					

Bảng 11. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của chương trình đào tạo nâng cao dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập. luyện tập					Học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy y, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên máy, thiết bị, ký hiệu, mục	Nước sản xuất, năm	Số lượng	Đơn vị				

	đích sử dụng	sản xuất						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Máy pH Portable Meat – HI9816, đo giá trị pH thịt	Mỹ, 2019	1	Cái	Chăn nuôi heo		5	
2	Máy Minolta CR – 410, đo màu sắc thịt	Nhật, 2019	1	Cái	Chăn nuôi heo		5	
3	CT3 Texture Analyzer, đo cấu trúc và độ dai của thịt	Mỹ, 2019	1	Cái	Chăn nuôi heo		5	
4	Máy Genesys 180 Spectrophotometer, đo hàm lượng Myoglobin thịt	Mỹ, 2022	1	Cái	Chăn nuôi heo		5	
5	Cân phân tích Satorius	Đức, 2018	3	cái	Sản xuất thức ăn Dinh dưỡng động vật Đồng		10 sinh viên/máy	C

					cỏ và cây thức ăn			
6	Tủ sấy	Trung Quốc, trước 2018	2	cái	Sản xuất thức ăn Dinh dưỡng động vật Đồng cỏ và cây thức ăn		15 sinh viên/m áy	
7	Máy cắt nước 2 lần	Anh, 20181	1	cái	Dinh dưỡng động vật Sản xuất thức ăn		30 sinh viên/m áy	
8	Lò nung	Đức, trước 2018	1	cái	Dinh dưỡng động vật Sản xuất thức ăn	Năm học	30 sinh viên/m áy	
9	Hệ thống phân tích protein	Đức, trước	2	cái	Dinh dưỡng	Năm học	15 sinh viên/m	



		2018			động vật Sản xuất thức ăn		áy	
10	Hệ thống chiết béo	Đức, trước 2018	1	cái	Dinh dưỡng động vật Sản xuất thức ăn	Năm học	30 sinh viên/m áy	
11	Bếp phẳng	Trung quốc, trước 2018	2	cái	Dinh dưỡng động vật Sản xuất thức ăn	Năm học	15 sinh viên/m áy	

3.6. Chương trình đào tạo nước ngoài và chứng nhận Chương trình đào tạo nước ngoài đã được kiểm định hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép thực hiện và cấp văn bằng.

3.7. Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục hoặc xác nhận đã đăng ký và đang trong thời gian kiểm định.

Phần IV: Các điều kiện khác

4.1. Tuyển sinh

- Điều kiện, phương thức tuyển sinh:

Học sinh tốt nghiệp THPT, trúng tuyển vào trường ĐH Nông Lâm, TP HCM (xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia, sử dụng tổ hợp môn thi A00, B00, D07, D08), với kết quả bằng hoặc cao hơn kết quả thí sinh thi đỗ vào ngành Chăn Nuôi trường ĐH Nông Lâm, TP HCM (diện được tuyển thẳng hoặc điểm trên một mức do nhà trường quy định từng năm).

- Kế hoạch tuyển sinh: 30 sinh viên/năm.

4.2. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở chương trình đào tạo nâng cao

Quy trình đào tạo được tổ chức theo học chế tín chỉ. Điều kiện tốt nghiệp tuân theo Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của trường Đại học Nông Lâm TPHCM. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức tối thiểu là 158 TC với điểm trung bình tốt nghiệp $\geq 5,5$ theo thang điểm 10 hoặc $\geq 2,0$ theo thang điểm 4,0. Khuyến khích sinh viên ra Trường làm tiểu luận/ khóa luận tốt nghiệp bằng Tiếng Anh. Ngoài số 158 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường.

4.3. Chính sách hỗ trợ, ưu tiên cho giảng viên và sinh viên Chương trình nâng cao

Các sinh viên Chương trình nâng cao được học tập trong điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng tốt nhất trong điều kiện của Trường và Khoa (trong phòng học riêng với quy mô tối đa 30 sinh viên/lớp, có máy lạnh và wifi). Số lượng sinh viên cho mỗi nhóm thực tập ít hơn các lớp đại trà (8-10 SV/nhóm, thay vì 25 SV/nhóm các lớp đại trà). Sinh viên được truy cập vào các nguồn tài nguyên như các tài liệu, sách, tạp chí để phục vụ cho quá trình học tập thuận tiện nhất. Sinh viên được tạo cơ hội học tập, thực hành, kiến tập tại các doanh nghiệp theo các dự án được Khoa, Nhà trường tổ chức. Sinh viên được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các đề tài cơ sở để có nhiều kỹ năng và kinh nghiệm trước khi ra trường. Đồng thời, các sinh viên được ưu tiên xét tham gia các Hội thảo khoa học quốc tế và các chương trình trao đổi sinh viên giữa khoa và các trường Đại học đối tác quốc tế.

Giảng viên được hỗ trợ các nguồn tài liệu trong và ngoài nước phục vụ cho quá trình giảng dạy. Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình nâng cao được ưu tiên giới thiệu tham dự các hội thảo quốc tế, các khóa tập huấn trong và ngoài nước, cũng như các chương trình trao đổi giảng viên quốc tế với các trường Đại học đối tác quốc tế. Các giảng viên tham gia giảng dạy chương trình nâng cao được hỗ trợ mức chi phí phù hợp theo quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

4.4. Dự toán chi phí

Dự toán chi phí đào tạo, dự tính mức học phí theo tín chỉ, theo năm học và cho toàn khóa học và lộ trình tăng học phí cho các khóa tiếp theo kèm theo minh chứng cho việc tăng học phí (nếu có); phương án thu, chi, sử dụng và quản lý học phí, kinh phí của Trường theo khoản 3, Điều 4 của Quy định này; so sánh định suất đầu tư/1 sinh viên Chương trình nâng cao với định suất đầu tư/1 sinh viên của chương trình đại trà để chứng minh mức thu học phí Chương trình nâng cao tương đương với mức đầu tư để nâng cao chất lượng đào tạo

Bảng 12. Dự toán chi phí đào tạo

STT	Nội dung	Diễn giải	Thu	Chi	Tỷ trong (%)	Ghi chú
I	Dự toán tổng thu		2,712,000,000		100	
1	NSNN		0		0	
2	Thu từ học phí		2,712,000,000		100	
	Năm thứ 1 (30 SV)	30x25.000.000x80%	600,000,000			
	Năm thứ 2 (30 SV)	30x27.000.000x80%	648,000,000			
	Năm thứ 3 (30 SV)	30x29.000.000x80%	696,000,000			
	Năm thứ 4	30x32.000.000x80%	768,000,000			

	(30 SV)					
II	Dự toán tổng chi			2,712,000,000	100.00	
1	Xây dựng CTĐT, Giáo trình, tài liệu	Mua giáo trình, sách ngoại văn		30,000,000	1.11	
2	Chi phí giảng viên, trợ giảng			1,085,000,000	40.01	
a	Chi bồi dưỡng cán bộ quản lý			0		
b	Chi thù lao giảng viên trợ giảng, giảng dạy bằng Tiếng Việt			432,000,000		
c	Chi thù lao giảng viên trợ giảng, giảng dạy bằng Tiếng Anh			353,000,000		
d	Chi thực hành, thực tập			300,000,000		

4	Chi phí cơ sở vật chất			440,000,000	16.22	
a	Chi cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, phòng học, thực tập			400,000,000		
b	Chi xây dựng nâng cấp đường truyền và thiết bị phục vụ học qua mạng, hội nghị, hội thảo...			40,000,000		
5	Chi phí quản lý			820,000,000	30.24	
a	Chi công tác nước ngoài			170,000,000		
b	Chi quản lý hành chính			250,000,000		
c	Chi hỗ trợ sinh viên nghiên cứu			200,000,000		

	khoa học					
d	Chi chương trình trao đổi sinh viên	Thực tập tốt nghiệp (30 svx4.000.000/sv)		150,000,000		
đ	Chi quảng bá chương trình			50,000,000		
6	Chi kiểm định chương trình			60,000,000	2.21	
7	Chi khác			277,000,000	10.21	
a	Xăng dầu			100,000,000		
b	Chi đi công tác trong nước, hội thảo, tham quan thực tế			100,000,000		
c	Chi điện, nước, vệ sinh			77,000,000		
Tổng			2,712,000,000	2,712,000,000	100.00	

4.5. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở chương trình đào tạo nâng cao

Khoa CNTY có kinh nghiệm nhiều năm trong vận hành các chương trình đào tạo đại học (04 CTĐT đại trà và 01 CTTT). Phần lớn đội ngũ giảng viên của khoa được đào tạo sau đại học tại các nước tiên tiến, có trình độ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và có kinh nghiệm thực tiễn khá phong phú. Khoa có sự kết nối và hợp tác chặt chẽ với nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng sản xuất. Ngoài các điểm thuận lợi nêu trên, khoa cũng ghi nhận được một số điểm còn hạn chế. Trước tiên là sự thiếu hụt về nguồn nhân lực chất lượng cao, thiếu hụt các trang thiết bị hiện đại cần thiết cho việc giảng dạy và nghiên cứu. Do đó, cần đầu tư vào cơ sở vật chất và tăng cường đội ngũ giảng viên cho chương trình này. Đồng thời, chương trình nâng cao cần tập trung vào việc đào tạo và nâng cao trình độ tiếng Anh của giảng viên và sinh viên.

Trong quá trình thực hiện CTĐT nâng cao, khoa nhận định một số rủi ro có thể xảy ra như sau:

+ Học phí tăng cao gây trở ngại đến nhu cầu học tập của sinh viên. Tuy nhiên, hiện nay học phí hệ nâng cao của ĐHNL vẫn rất cạnh tranh so với mặt bằng chung và vẫn nằm trong khả năng chi trả của sinh viên.

+ Các thay đổi về chính sách khiến CTĐT không thể tiếp tục vận hành. Trong trường hợp này, sinh viên sẽ được hỗ trợ tối đa để chuyển đổi quá trình học tập sang hệ đại trà của Khoa (nếu đáp ứng các điều kiện về điểm chuẩn và trình độ ngoại ngữ).

4.6. Các minh chứng kèm theo đề án

(1). Nghị quyết của Hội đồng Trường phê duyệt chủ trương mở chương trình nâng cao trình độ đại học;

(2). Quyết định thành lập hội đồng xây dựng, hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nâng cao; biên bản của hội đồng xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo nâng cao; Quyết định ban hành chương trình đào tạo nâng cao;

(3) Quyết định thành lập hội đồng xây dựng, hội đồng thẩm định đề án đào tạo nâng cao; biên bản của hội đồng xây dựng và thẩm định đề án đào tạo nâng cao;

(4). Biên bản thẩm định và kết luận đề án đào tạo nâng cao trình độ đại học của Hội đồng Khoa học đào tạo cấp Trường;

(5). Giấy Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục hoặc xác nhận đã đăng ký và đang trong thời gian kiểm định;

(6). Văn bản quy định chi tiết về đào tạo nâng cao của Trường.

Nơi nhận

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Hội đồng Trường;
- Ban giám hiệu;
- Lưu: Khoa; P.ĐT; P.HC.

